

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
Số 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, An Giang



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2023**

# MỤC LỤC

<b>I. Thông tin chung</b> .....	<b>1</b>
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
4. Định hướng phát triển.....	4
5. Các rủi ro.....	4
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm</b> .....	<b>5</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	5
2. Tổ chức và nhân sự.....	5
2.1. Danh sách Ban điều hành.....	5
2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên.....	8
2.3. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.....	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	9
4. Tình hình tài chính.....	10
4.1. Tình hình tài chính.....	10
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	11
5.1. Cổ phần.....	11
5.2. Cơ cấu cổ đông.....	11
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	11
5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	11
5.5. Các chứng khoán khác: Không.....	11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	12
6.1. Tác động lên môi trường.....	12
6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	12
6.3. Tiêu thụ năng lượng.....	12
6.4. Tiêu thụ nước.....	12
6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	12
6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.....	13
6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	14
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:</b> .....	<b>14</b>
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b> .....	<b>17</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	17

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty.....	19
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	19
<b>V. Quản trị công ty.....</b>	<b>20</b>
1. Hội đồng quản trị.....	20
2. Ban Kiểm soát.....	23
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS.....	26
<b>VI. Báo cáo tài chính.....</b>	<b>29</b>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2023**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600699279
- Vốn điều lệ: 206.644.530.000 đồng
- Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam
- Số điện thoại: (0296) 3856 961 - (0296) 3856 964
- Số fax: (0296) 3857 301
- Website: www.agimexpharm.com
- Mã cổ phiếu: AGP
- Quá trình hình thành và phát triển:

Năm	Sự kiện
1981	Xí nghiệp Dược phẩm An Giang được thành lập theo Quyết định số 52/QĐ.UB ngày 10/06/1981 của UBND tỉnh An Giang
1992	Chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước với tên đầy đủ là “Xí nghiệp liên hiệp Dược An Giang”, tên viết tắt là ANGIPHARMA
1996	Theo Quyết định số 82/QĐ.UB ngày 07/12/1996 của Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang, Công ty Dược An Giang chính thức được thành lập, trên cơ sở sáp nhập Công ty Dược và Vật tư y tế An Giang vào Xí nghiệp Dược phẩm An Giang
2003	Chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2778/QĐ.UB ngày 29/12/2003 của UBND tỉnh An Giang
2004	Chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600699279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 06 năm 2004, với số vốn điều lệ là 6.776.900.000 đồng
2007	Phát hành thêm 1.522.310 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 22.000.000.000 đồng
2008	Chính thức hợp tác liên doanh với cổ đông chiến lược Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm, đồng thời đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
2012	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, vốn điều lệ tăng lên thành 26.399.600.000 đồng
2014	Phát hành cổ phiếu ra công chúng, vốn điều lệ tăng lên thành 39.599.400.000 đồng

Năm	Sự kiện
2015	Tháng 06/2015 phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ tăng lên thành 43.558.800.000 đồng Tháng 09/2015: Công ty hoàn tất đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
2017	Phát hành cổ phiếu ra công chúng, vốn điều lệ tăng lên thành 74.049.960.000 đồng
2018	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu), vốn điều lệ tăng lên thành 96.263.830.000 đồng
2019	Hoàn thành việc phát hành tăng vốn điều lệ lên 128.351.770.000 đồng (5,5 triệu USD) trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn, với số vốn huy động thêm 32 tỷ đồng tương đương 33,33%
2022	Phát hành cổ phiếu ra công chúng, vốn điều lệ tăng lên thành 179.692.470.000 đồng
2023	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động, vốn điều lệ tăng lên thành 206.644.530.000 đồng

- Các sự kiện khác: Không có

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- *Ngành nghề kinh doanh:* Sản xuất và mua bán thuốc hóa dược và dược liệu; thực phẩm bảo vệ sức khỏe; mỹ phẩm, thiết bị y tế.

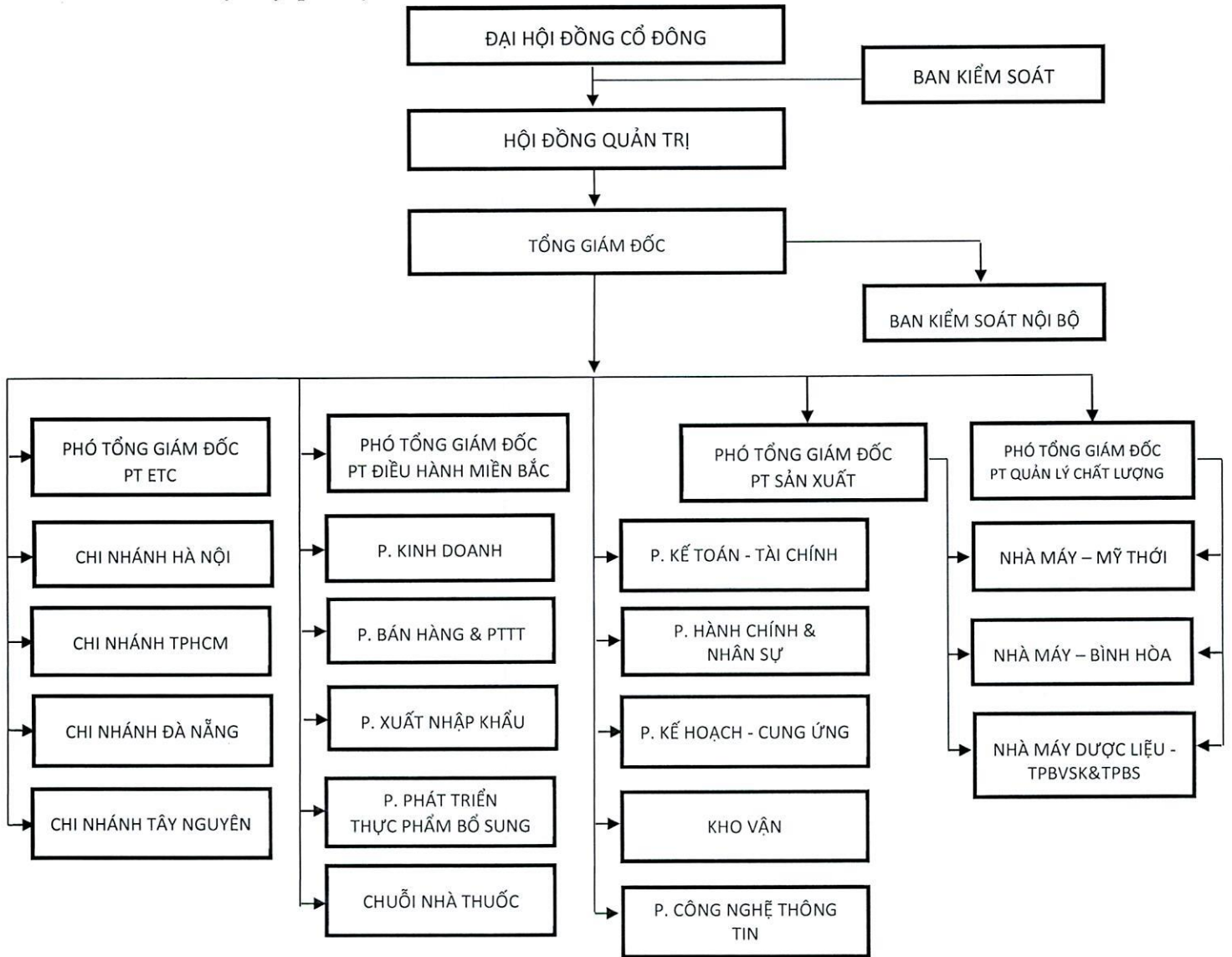
- *Địa bàn kinh doanh:* Toàn quốc. Ngoài trụ sở chính tại Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang, công ty còn có 02 nhà máy và 04 chi nhánh:

Tên đơn vị	Địa chỉ
<b>Văn phòng trụ sở chính</b>	27 Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
<b>Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm – Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm</b>	Số 66, Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
<b>Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm – Nhà máy Bình Hòa</b>	Lô C4, KCN Bình Hòa, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
<b>Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</b>	Số 49-51-53, Đường 3A, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh
<b>Chi nhánh TP. Đà Nẵng</b>	42 Nguyễn Sinh Sắc, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng
<b>Chi nhánh Tây Nguyên</b>	Số 184/84 Giải Phóng, Phường Tân Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
<b>Chi nhánh Hà Nội</b>	Số 46 ngõ 105 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:** ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



- **Các công ty con, công ty liên kết:**

Stt	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Mục đích góp vốn
1	Công ty Dược phẩm USA – AGP Pharma	14314 đường Brookhurst, TP. Garden Grove, California, Hoa Kỳ, 92843	43,24%	43,24%	Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh các sản phẩm viên nang, viên nén đóng chai thuộc thực phẩm chức năng, dược liệu, linh chi, đông trùng hạ thảo...

#### 4. Định hướng phát triển

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Phát triển ổn định, đảm bảo thu nhập cho cán bộ-nhân viên, cổ tức cho cổ đông, và vì sức khỏe cộng đồng.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tốc độ tăng trưởng  $\geq 10\%$  năm;
- Đa dạng chủng loại sản phẩm;
- Phát triển hệ thống phân phối;
- Phát triển sản phẩm, khai thác hiệu quả dây chuyền sản xuất;
- Đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả;
- Bổ sung nguồn nhân lực giỏi đáp ứng nhu cầu phát triển.

- **Các mục tiêu phát triển bền vững:**

- Cung cấp sản phẩm chất lượng;
- Đảm bảo cổ đông được hưởng khoản sinh lợi một cách an toàn, bền vững;
- Hợp tác với khách hàng, đối tác trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi;
- Mang đến cho người lao động môi trường làm việc an toàn, đời sống ổn định;
- Luôn tuân thủ nghiêm ngặt về yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất.

#### 5. Các rủi ro

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện mục tiêu của Công ty và các giải pháp:

- **Rủi ro kinh tế:**

• Tốc độ tăng trưởng kinh tế: Chủ động xem xét các nhân tố vĩ mô để kịp thời đề ra biện pháp mang lại lợi ích tốt nhất cho Công ty và cổ đông.

• Lạm phát: Ban điều hành thường xuyên thực hiện: (1) xác định, đánh giá các chi phí phát sinh thực tế; (2) lập kế hoạch chi phí phù hợp cho từng chu kỳ; (3) điều chỉnh giá bán sản phẩm phù hợp với tình hình thực tế nhằm duy trì biên lợi nhuận ở mức hiệu quả và giảm thiểu rủi ro của việc gia tăng lạm phát gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

• Lãi suất: Thường xuyên theo dõi biến động lãi suất cho vay, kịp thời đưa ra những điều chỉnh về cơ cấu nguồn vốn, chiến lược tài chính nhằm giảm thiểu tối đa tác động từ rủi ro về lãi suất; tận dụng cơ hội từ chính sách của chính phủ để sử dụng nguồn vốn với chi phí rẻ nhằm mở rộng mô hình kinh doanh, nâng cao vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

• Tỷ giá hối đoái: dự báo biến động giá, chủ động nhập khẩu và dự trữ nguồn nguyên vật liệu.

- **Rủi ro đặc thù ngành:**

• Rủi ro về nguyên vật liệu: Lựa chọn nhà cung cấp uy tín, nguồn cung chất lượng ổn định và liên tục; kế hoạch quản lý nguyên vật liệu đầu vào một cách tối ưu và phù hợp với quy trình sản xuất.

• Rủi ro về chất lượng: Nguồn nhân lực được chọn lựa, đào tạo kỹ lưỡng về chuyên môn; tổ chức tập huấn, đào tạo cho CBCNV tổng quát và chuyên sâu về các tiêu chuẩn GPs.

• Rủi ro về tiêu thụ: Xây dựng chiến lược phân phối và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý; chính sách khuyến mãi, tặng kèm đối với những sản phẩm bán chậm.

• Rủi ro cạnh tranh: Phát triển đa kênh, đa dạng khách hàng, đảm bảo đầu ra trong khi tiết kiệm được chi phí bán hàng và chi phí quản lý.

- **Rủi ro môi trường:** Phát triển doanh nghiệp đi đôi trách nhiệm với cộng đồng và môi trường.

- **Rủi ro pháp luật:** Thường xuyên cập nhật kịp thời và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định trong ngành dược, các chính sách kế toán, tài chính, thuế, đấu thầu...

- **Rủi ro quản trị công ty:** Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò của HĐQT và Ban Điều hành nhằm giảm thiểu rủi ro và tối đa lợi ích cổ đông.

- **Rủi ro khác** (thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn lao động...): Đảm bảo thực hiện các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, mua bảo hiểm đầy đủ cho người và tài sản...

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo chi tiết tại phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Danh sách Ban điều hành

★ **Danh sách Ban điều hành:**

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (tại ngày 31/12/2023)	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL
1	Ông Nguyễn Văn Kha	Tổng giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT	3.142.725	15,21%
2	Bà Phạm Thị Bích Thủy	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	361.834	1,75%
3	Ông Huỳnh Hoàng Hà	Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	139.000	0,67%
4	Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	91.966	0,45%
5	Ông Lâm Trí Hiền	Phó Tổng giám đốc	111.983	0,54%
6	Bà Trần Nguyễn Minh Hiền	Kế toán trưởng	43.490	0,21%

★ **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

★ **Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:**

#### 1. Ông Nguyễn Văn Kha – Tổng giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 16/05/1953

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ

Quá trình công tác:

- 1973 – 1979: Học Đại học Dược khoa Sài Gòn
- 1980 – 1981: Công tác tại Khoa dược Đại học Y dược TP.HCM
- 1982 – 1994: Công tác tại Xí nghiệp Dược phẩm An Giang
- 1995 – 2001: Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Lam Sơn TP.HCM
- 2002 – 2004: TV. HĐQT Công ty Dược phẩm 3/2 TP. HCM
- 2005 – 2007: Phó Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm – Thành viên HĐQT



- 2007 – 2012: Chủ tịch HĐQT, kiêm Phó Giám đốc CTCP DP Agimexpharm
- 2013 – 29/07/2020: Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc CTCP DP Agimexpharm
- 30/07/2020 – nay: Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT CTCP DP Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Tổng giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 3.142.725 cổ phần (chiếm tỷ lệ 15,21% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ).

## **2. Bà Phạm Thị Bích Thủy – Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc**

Năm sinh: 31/01/1969

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ chuyên khoa 1

Quá trình công tác:

- 1989 – 1994: Học Đại học Y Dược TPHCM
- 1995 – 1997: KSV tổ Pha chế xưởng dược Công ty Dược phẩm An Giang
- 1997 – 2001: Tổ phó tổ Pha chế Công ty Dược phẩm An Giang
- 2001 – 2004: Phó Quản đốc Công ty Dược phẩm An Giang
- 2004 – 2006: Thành viên HĐQT, Quản đốc xưởng dược Công ty CP DP An Giang
- 2006 – 2008: Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty CP DP An Giang
- 2008 – 2012: Học Dược Chuyên khoa I, Trường Đại học Y Dược TP. HCM
- 2008 – 29/07/2020: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc CTCP DP Agimexpharm
- 30/07/2020 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP DP Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 361.834 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,75% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ).

## **3. Ông Huỳnh Hoàng Hà – Phó Tổng giám đốc**

Năm sinh: 08/01/1986

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ chuyên khoa 1

Quá trình công tác:

- 2004 – 2009: Học Đại học dược Trường ĐH Y Dược Cần Thơ.
- 2009 – 2010: Công tác tại Cty CP Dược phẩm Agimexpharm
- 2010 – 2011: Tổ trưởng tổ Pha chế Cty CP Dược phẩm Agimexpharm
- 2011 – 2016: Tổ trưởng tổ Đóng gói 1 Cty CP Dược phẩm Agimexpharm

- 2016 – 2017: Phó quản đốc xưởng Dầu Mỡ Nước Cty CP Dược phẩm Agimexpharm. Năm 2017, tốt nghiệp Đại học Quản trị kinh doanh Trường Đại học Mở Tp Hồ Chí Minh.
- 2017 – 2018 : Q. Giám đốc điều hành nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu Cty CP Dược phẩm Agimexpharm.
- 2018 – 2019: Q. Giám đốc điều hành nhà máy sản xuất dược phẩm dược liệu kiêm Giám đốc Nghiên cứu phát triển Cty CP Dược phẩm Agimexpharm. Năm 2019, tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa 1 Trường ĐH Y Dược Cần Thơ.
- 2019 – 2020: Quản đốc xưởng sản xuất viên cốm bột kiêm Giám đốc Nghiên cứu phát triển Cty CP Dược phẩm Agimexpharm
- 01/2021 – nay: Phó tổng giám đốc phụ trách sản xuất Cty CP Dược phẩm Agimexpharm
- 04/2023 – nay: TV.HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc phụ trách sản xuất Cty CP Dược phẩm Agimexpharm.

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: TV.HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 139.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,67% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ).

#### **4. Ông Vũ Minh Tuấn – Phó Tổng giám đốc**

Năm sinh: 26/07/1967

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ, Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện

Quá trình công tác:

- 05/1994 - 2003: Trưởng chi nhánh CTCP Dược phẩm MeKong-MEKOPHARMA tại Hà Nội
- 2003 – 10/2019: Trưởng chi nhánh CTCP Dược phẩm 3/2 - F.T.PHARMA tại Hà Nội
- 10/2019 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 91.966 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,45% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ).

#### **5. Ông Lâm Trí Hiền – Phó Tổng giám đốc**

Năm sinh: 06/02/1981

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ

Quá trình công tác:

- 07/2003 – 03/2014: Công tác tại Cty Xuất nhập khẩu Y tế Domesco - Đồng Tháp
- 04/2014 – 04/2016: Công tác tại Cty CP Dược phẩm Agimexpharm – Chi nhánh TP. HCM
- 05/2016 – 21/02/2019: Phó Giám đốc Chi nhánh Cty CP DP Agimexpharm – Chi nhánh TP. HCM, phụ trách hệ ETC

• 22/02/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc Cty CP DP Agimexpharm, phụ trách hệ ETC  
Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 111.983 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,54% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ).

## 6. Bà Trần Nguyễn Minh Hiền – Kế toán trưởng

Năm sinh: 15/04/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 1999 - 2004 : Học đại học tại Trường đại học An Giang
- 2004 - 2008 : Công tác tại Ủy ban Dân số - KHHGD tỉnh An Giang
- 2008 - 2011: Kế toán Cty CP Dược phẩm Agimexpharm
- 2011 - 14/04/2020: Phó phòng Kế toán Cty CP Dược phẩm Agimexpharm
- 15/4/2020 – nay: Kế toán trưởng Cty CP Dược phẩm Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 43.490 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ).

### 2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính 2023, Công ty có 478 nhân viên đang làm việc, cụ thể như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>478</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	226	47,28%
2	Trình độ cao đẳng	148	30,96%
3	Trình độ trung cấp	72	15,06%
4	Lao động phổ thông	32	6,70%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>478</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	354	74,06%
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn	124	25,94%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>478</b>	<b>100%</b>
1	Nam	243	50,84%
2	Nữ	235	49,16%

### 2.3. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách (BHXH, BHYT, BHTN...) cho người lao động theo đúng hợp đồng lao động và quy định của pháp luật lao động;
- Đảm bảo việc làm cho người lao động và tuyển dụng thêm lao động làm ở KCN Bình Hòa;
- Tuyển dụng thêm trình dược viên phối hợp cộng tác viên ở từng địa bàn cụ thể;
- Bổ nhiệm, luân chuyển nhân sự theo đúng năng lực, đạo đức và trình độ chuyên môn;
- Tạo điều kiện để CBNV ở trình độ, vị trí công việc khác nhau được đào tạo một cách thích hợp;
- Có chính sách khen thưởng hợp lý;
- Quyền xét khen thưởng, tăng giảm lương từng quý sẽ do trưởng bộ phận đề xuất.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### • Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh USA-AGP Pharma, LLC:

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 201900695, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 7 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 09 tháng 4 năm 2022 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào USA-AGP Pharma, LLC 19.663.050.000 VND (850.000 USD), tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 17.130.750.000 VND (735.000 USD), tương đương 43,24% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào USA-AGP Pharma, LLC là 2.532.300.000 VND (tương đương 115.000 USD).

- Tình hình hoạt động: Nhà máy sản xuất đã hoàn thành theo đúng mục tiêu quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Hiện tại Công ty đã hoàn tất các thủ tục, giấy phép và có thể bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Giao dịch với công ty liên doanh: không có phát sinh.

#### • Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng, máy móc thiết bị sản xuất

Giá trị tài sản cố định sau khi trừ khấu hao 126 tỷ đến thời điểm 31/12/2023

*DVT: triệu đồng*

Giá trị tài sản	VP công ty/ Chi Nhánh	Khu sx Mỹ Thới	Khu sx Bình Hòa	Tổng cộng
Nhà xưởng	15.177	26.053	106.584	147.814
Máy móc thiết bị	3.644	24.282	67.105	95.031
Xây dựng dở dang	4.449		39.576	44.025
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.270</b>	<b>50.335</b>	<b>213.265</b>	<b>286.870</b>

Đầu tư cho nhà xưởng, máy móc thiết bị là điều thiết yếu đối với doanh nghiệp sản xuất. Trong điều kiện vốn ít và khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng còn hạn chế, chúng tôi luôn tính toán thận trọng, thực hiện lần lượt từng phần. Đến nay dây chuyền sản xuất dần được tự động hóa với công suất lớn, thiết bị kiểm nghiệm tiên tiến được trang bị khá đầy đủ, hạ tầng nâng cấp đồng bộ. Trong giai đoạn này, nhờ tinh thần làm việc năng nổ của Khối Kỹ Thuật, đã đóng góp không ít những công trình tự thi công, lắp đặt, máy tự chế (hệ thống năng lượng mặt trời, một số phần phụ của nhà máy ...) giúp đẩy nhanh tiến độ, tiết kiệm và hiệu quả.

Khu CN Bình Hòa hai nhà máy đã đi vào hoạt động:

1. Dược Liệu (2258,3 m<sup>2</sup>, sản 4771,2 m<sup>2</sup>),
2. Viên-Cốm-Bột Non-betalactam (1777,7 m<sup>2</sup>, sản 4170,8 m<sup>2</sup>), và kho tổng (3831,7 m<sup>2</sup>).

Trước đây, sản xuất chỉ tập trung tại một nhà máy Mỹ thới, sản lượng trung bình chỉ 400-500 triệu đơn vị sản phẩm, đến nay đã tăng gấp đôi. Ba nhà máy kế tiếp đang triển khai: 1. Nhà máy kháng sinh Betalactam (hoàn thành 70%), 2. Nhà máy sản xuất thuốc dạng lỏng, 3. Nhà máy dược liệu mở rộng.

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	802.440	897.763	12%
Doanh thu thuần	687.047	725.130	6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.947	53.929	2%
Lợi nhuận khác	294	266	-10%
Lợi nhuận trước thuế	53.239	54.196	2%
Lợi nhuận sau thuế	42.910	43.613	2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%		

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,16	1,1
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,56	0,55
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	60,85	60,49
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	155,42	153,12
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	1,72	1,81
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,93	0,85
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,25	6,01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,66	12,3
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,35	4,86
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,71	7,44

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 20.664.453
  - Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 20.664.453
  - Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 31/12/2023)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>771</b>	<b>20.659.497</b>	<b>206.594.970.000</b>	<b>99,976%</b>
1	Cổ đông nhà nước		-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	5	6.868.299	68.682.990.000	33,24%
3	Cổ đông cá nhân	766	13.791.198	137.911.980.000	66,74%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3</b>	<b>4.956</b>	<b>49.560.000</b>	<b>0,024%</b>
1	Cá nhân	3	4.956	49.560.000	0,024%
2	Tổ chức		-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>774</b>	<b>20.664.453</b>	<b>206.644.530.000</b>	<b>100%</b>

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đợt	Thời gian	Số vốn trước khi tăng	Số vốn sau khi tăng	Ghi chú
1	12/2007	6.776.900.000	22.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, cổ đông hiện hữu và cán bộ, nhân viên Công ty
2	10/2012	22.000.000.000	26.399.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
3	11/2014	26.399.000.000	39.599.400.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
4	06/2015	39.599.400.000	43.558.800.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	03/2017	43.558.800.000	74.049.960.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
6	05/2018	74.049.960.000	96.263.830.000	Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức 2017
7	06/2019	96.263.830.000	128.351.770.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
8	03/2022	128.351.770.000	179.692.470.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
9	07/2023	179.692.470.000	206.644.530.000	Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động.

### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

### 5.5. Các chứng khoán khác: Không

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Tác động lên môi trường**

- Luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, hướng tới doanh nghiệp thân thiện với môi trường.
- Vận động người lao động tích cực tham gia giao thông công cộng, thay đổi thói quen giao thông, hạn chế phụ thuộc phương tiện vận tải trong phạm vi gần.
- Toàn thể cán bộ, nhân viên nỗ lực biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng vị trí sản xuất:
  - Giảm điện năng, nhiên liệu sử dụng trong văn phòng và các nhà máy.
  - Trồng và chăm sóc cây xanh ở khu vực trong và xung quanh công ty, nhà máy.
  - Tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua các báo cáo định kỳ: Báo cáo giám sát môi trường (định kỳ quý/ lần); Báo cáo xử lý chất thải nguy hại...

### **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

#### **a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm**

Lượng nguyên vật liệu sử dụng trong năm gồm 1.188 tấn nguyên liệu tá được, và 1.006 tấn bao bì.

#### **b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức**

Không sử dụng nguyên vật liệu tái chế để sản xuất sản phẩm của công ty do đặc thù ngành sản xuất dược phẩm chăm sóc sức khỏe, yêu cầu về an toàn vệ sinh rất nghiêm ngặt.

### **6.3. Tiêu thụ năng lượng**

- Quy trình hoạt động chặt chẽ, cử cán bộ vận hành theo dõi, không để lãng phí nguồn năng lượng.
- Sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm:
  - Lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cho công ty và nhà máy với tổng công suất lắp đặt gần 1,2 Mega wat; tiết kiệm tiền điện được khoảng 275 triệu đồng /tháng;
  - Hệ thống đèn led thay cho đèn huỳnh quang;
  - Dây chuyền công nghệ sạch, hiện đại, ít tiêu hao năng lượng;
  - Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng hoặc khi ra khỏi phòng...

### **6.4. Tiêu thụ nước**

- Lắp đặt thủy kế theo dõi, thống kê hàng tháng lượng nước sử dụng;
- Nhắc nhở NLD sử dụng nước đúng mục đích và nêu cao ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty;
- Kế hoạch SX khoa học, tăng năng suất hoạt động máy, giảm tiêu hao nước/đơn vị sản phẩm;
- Tối ưu hóa các quy trình vệ sinh thiết bị, nhà xưởng.
- Hệ thống cấp nước hoàn chỉnh, xử lý đạt chuẩn và tái sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả.

### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Năm 2023, Công ty không chịu bất cứ lần phạt nào do vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

## 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

### a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Số lượng lao động bình quân (người)	396	456
Mức lương trung bình (đồng/người/tháng)	9.700.000	9.000.000

### b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Không ngừng cải thiện môi trường làm việc và các chính sách lương, thưởng, phúc lợi ổn định.
- Tạo điều kiện cho NLĐ tham gia hội nghị, hội thảo, khóa huấn luyện chuyên đề để tăng sự tự tin, hiểu biết; hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các buổi họp mặt để tăng sự kết nối và đoàn kết;
- Luôn bảo đảm nơi làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, sức nóng, độ ẩm, tiếng ồn...
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhà xưởng, kho;
- Không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố thiết bị, cháy nổ;
- Hàng năm, đầu tư cho công tác an toàn - bảo hộ lao động – PCCC;
- Người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân và dụng cụ ATLĐ;
- Chú trọng cải cách về quản lý nhân sự, không theo lối mòn, bắt kịp tính tiên tiến; xây dựng và đưa vào thực thi quy trình tuyển dụng, chính sách đề bạt, khen thưởng;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tham quan cho cán bộ nhân viên theo từng bộ phận.

### c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Đào tạo và phát triển liên tục: đào tạo kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng cho đội ngũ sales, kiến thức sản phẩm cho trình dược viên, kiến thức về tiêu chuẩn GMP-WHO cho các nhà máy; đào tạo tổng quát và chuyên sâu về các tiêu chuẩn GPs; đào tạo định kỳ cho nhân viên các phòng ban. Trong năm 2023, tham dự trên 30 lớp tập huấn đào tạo chuyên môn.

- Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc (BTGD) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Hội thảo chuyên đề: “Ngăn ngừa các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán đối với công ty đại chúng”; Đào tạo về hệ thống CIMS và nghĩa vụ CBTT trên thị trường chứng khoán; Hội thảo Quản trị công ty và Hội nghị Doanh nghiệp thường niên.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức các lớp huấn luyện kỹ năng cho người lao động, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên:

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về hồ sơ đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Tập huấn tương đương sinh học;
- Hướng dẫn thực hiện các quy định về mỹ phẩm trong hồ sơ công bố mỹ phẩm;
- Quản lý hóa đơn và chi phí sản xuất kinh doanh;
- An toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy;
- Hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và hiệu chuẩn cân phân tích, cân kỹ thuật;
- Kiểm soát tạp chất trong kiểm nghiệm dược phẩm;
- Kỹ thuật định lượng bằng phương pháp sắc ký lỏng trong kiểm nghiệm thực phẩm bảo vệ sức khỏe.



### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Trao học bổng, trao quà cho học sinh, hộ gia đình chính sách huyện Châu Thành.
- Đóng góp phục vụ thuốc cho cộng đồng với tinh thần sáng tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động, tối ưu hóa chi phí, tạo ra sản phẩm thuốc tốt nhất đáp ứng nhu cầu của xã hội. Cấp phát thuốc cho người nghèo ở các huyện Chợ Mới, An Phú, Tân Châu, Thoại Sơn, Tịnh Biên, Kiên Giang, tỉnh Tà keo – Campuchia,...
- Các công tác xã hội địa phương thường niên như:
  - Quỹ từ thiện " Tiếp sức đến Trường cho học sinh nghèo Bình Hòa";
  - Hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam - Dioxin tỉnh An Giang;
  - Hỗ trợ quỹ đền ơn đáp nghĩa, Cây mùa xuân, Tết vì người nghèo;
  - Tặng thẻ bảo hiểm cho người nghèo;

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

**Năm 2023 – “Thăng bằng trước suy trầm kinh tế”.** Tình trạng trầm lắng kéo dài của nền kinh tế nhiều năm qua tác động không nhỏ đến xã hội và hoạt động của nhiều doanh nghiệp. Để đạt hiệu quả kinh doanh, ổn định đời sống của gần 500 nhân viên, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, Ban điều hành đã cố gắng không ngừng. Nhưng với thách thức ngày càng lớn (giá cả đầu vào tăng, lãi suất ngân hàng cao, ngành Dược cạnh tranh gay gắt), năm 2023 đã không đạt kết quả như kỳ vọng. Tuy nhiên, chúng tôi luôn tự tin trước định hướng của Hội đồng quản trị, đầy quyết tâm dẫn dắt đội ngũ vượt qua khó khăn và tiếp tục tiến lên.

#### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

##### \* Doanh thu, lợi nhuận:

Từ đợt phong tỏa do Covid đến nay mang đến nhiều rủi ro thử thách nhưng cũng mở ra các cơ hội. Kết quả tỷ lệ tăng trưởng doanh số giai đoạn năm 2019-2023 là 12%, tương ứng lợi nhuận 7%. Năm 2023, **doanh thu đạt 725 tỷ đồng, tăng 6%** so với năm 2022, và chỉ đạt 97% so với kế hoạch 750 tỷ đồng. **Lợi nhuận trước thuế đạt 54 tỷ đồng, tăng 2%**, và đạt 90% kế hoạch 60 tỷ đồng. Sự tăng trưởng đột phá của năm 2022 (doanh thu tăng 32%, lợi nhuận tăng 29%) tạo nên áp lực bảo hòa cho năm 2023.

*DVT: triệu đồng*

Năm	2019	% +/-	2020	% +/-	2021	% +/-	2022	% +/-	2023	% +/-	Bình quân
<b>Doanh thu</b>	<b>467.531</b>	<b>11%</b>	<b>494.978</b>	<b>6%</b>	<b>521.798</b>	<b>5%</b>	<b>687.047</b>	<b>32%</b>	<b>725.130</b>	<b>6%</b>	<b>12%</b>
+ Hàng ngoài	13.068	-23%	13.923	7%	11.001	-21%	11.805	7%	6.830	-42%	-14%
+ Hàng sản xuất	454.463	13%	481.056	6%	510.797	6%	675.242	32%	718.300	6%	13%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>35.537</b>	<b>-12%</b>	<b>36.298</b>	<b>2%</b>	<b>41.378</b>	<b>14%</b>	<b>53.239</b>	<b>29%</b>	<b>54.196</b>	<b>2%</b>	<b>7%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>28.411</b>	<b>-12%</b>	<b>28.870</b>	<b>2%</b>	<b>33.226</b>	<b>15%</b>	<b>42.910</b>	<b>29%</b>	<b>43.613</b>	<b>2%</b>	<b>7%</b>

##### \* Mức độ hoàn thành kế hoạch:

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Kế hoạch	% hoàn thành	Kế hoạch	% hoàn thành	Kế hoạch	% hoàn thành	Kế hoạch	% hoàn thành	Kế hoạch	% hoàn thành
Doanh thu	450.000	104%	465.000	106%	530.000	98%	550.000	125%	750.000	97%
Lợi nhuận TT	45.000	79%	35.000	104%	38.000	109%	43.000	124%	60.000	90%
Cổ tức	10%	100%	10%	100%	10%	100%	15%	100%		
Hình thức thanh toán	Tiền mặt		Tiền mặt		Tiền mặt		Tiền mặt 5% Cổ phiếu 10%			

## 2. Các điểm chính trong các hoạt động sản xuất kinh doanh

### 2.1. Hoạt động kế hoạch cung ứng hàng hóa:

Ban Tổng Giám đốc bám sát kế hoạch đã đề ra năm trước, thành tựu đạt được những năm qua và nổi bật trong năm 2023 là giảm thiểu việc thiếu hàng, trễ hàng (đáp ứng cho danh mục 650 sản phẩm là vô cùng phức tạp). Nguồn nguyên liệu đã được đa dạng hơn, chủ động hơn nhờ đẩy mạnh Bộ phận xuất nhập khẩu, tiến hành nhập khẩu trực tiếp từ đối tác nước ngoài nguyên liệu và bao bì, tổng giá trị đạt 293 tỷ đồng.

Tình hình chung của mức giá nguyên vật liệu gia tăng làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do đó mục tiêu kế tiếp đặt ra cho khối mua hàng, kế hoạch- cung ứng năm 2024, phải cải thiện hiệu quả về kinh tế bằng cách nâng cao quản trị trong kế hoạch đặt hàng, lựa chọn nhà cung cấp, kiểm soát chất lượng, giá cả cùng với thời hạn thanh toán.

### 2.2. Hoạt động R&D, sản xuất, quản lý chất lượng:

Sản lượng thành phẩm nhập kho

Dvt: triệu đơn vị

Mặt hàng	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023	+/- 2022
Thuốc gói bột	Gói	25,68	19,38	21,35	34,38	33,29	-3%
Thuốc gói hỗn dịch	Gói	11,63	0,35	11,81	17,52	16,21	-7%
Thuốc viên nang	viên	122,48	115,83	132,95	166,40	198,92	20%
Thuốc viên nén	viên	595,84	601,16	690,07	827,72	923,78	12%
Thuốc nước	Chai	1,85	14,32	2,14	4,13	3,70	-10%
Thuốc cốm chai	Chai	0,33	0,51	0,35	0,50	0,49	-2%
Thuốc kem	Tuýp	0,66	0,84	0,73	0,74	1,05	43%
<b>Tổng cộng</b>		<b>758,47</b>	<b>752,39</b>	<b>859,42</b>	<b>1.051,39</b>	<b>1.177,44</b>	<b>12%</b>

Qua chỉ số sản lượng thành phẩm tăng dần qua các năm, vượt mốc một tỷ đơn vị từ năm 2022, năm 2023 tiếp tục tăng 12%. Ngoài mảng truyền thống là thuốc tân dược, công ty đang mở rộng sang nhóm dược liệu, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thiết bị y tế.

Bộ phận đảm bảo chất lượng QA tập chú chức năng đảm bảo cho nhà máy hoạt động đúng quy chuẩn, tự thanh tra định kỳ GMP, GLP, GSP. Số lượng đăng ký sản phẩm mới, thay đổi, gia hạn tại Bộ phận nghiên cứu phát triển R&D tổng cộng 438 hồ sơ, bình quân hàng năm gần 500 bộ đề duy trì hiệu lực của danh mục hàng hóa. Vai trò của kiểm nghiệm được củng cố, phải đáp ứng chuẩn xác và kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất, thành phẩm đưa ra thị trường phải đúng chất lượng. Trong năm, đầu tư thêm 01 máy sắc ký khí, 03 máy sắc ký lỏng nâng lên tổng số 09 máy và các thiết bị khác (đo độ hòa tan, định

lượng...) phục vụ cho công tác kiểm nghiệm (năm 2023 kiểm tổng cộng 18.736 mẫu các loại).

Ngoài sự hỗ trợ của máy móc thiết bị, tự động hóa, cán bộ-nhân viên chủ động cải tiến nhiều mặt tích cực: ứng dụng công nghệ; cải tiến quy trình, tự cập nhật tiêu chuẩn mới (tham dự trên 30 lớp tập huấn đào tạo chuyên môn) để nền sản xuất và hệ thống chất lượng hoàn thiện liên tục.

### 2.3. Hoạt động bán hàng:

Xét về kênh phân phối, hệ điều trị ETC phục hồi từ năm 2022 tỷ trọng chiếm 33%, năm 2023 tiếp tục tăng chiếm 45%, tỷ lệ lợi nhuận kênh ETC không cao, công nợ dài hơn tuy nhiên là nền tảng vững chắc. Kênh OTC giảm tỷ trọng bởi sự phát triển của các chuỗi nhà thuốc hiện đại ảnh hưởng đến nhóm khách hàng là đại lý nhà thuốc của công ty.

Lực lượng nhân sự khối sale mỏng và khó tuyển dụng vẫn là trở ngại lớn, không gia tăng kịp thời với quy mô sản lượng và chủng loại hàng hóa. Ngoài ra, xây dựng kênh phân phối thông thường (như mở chi nhánh) khó thực thi trong điều kiện kinh tế còn hạn hẹp và rủi ro trong kiểm soát. Không để khó khăn làm cản trở, chúng tôi linh hoạt ứng biến liên tục trong giải pháp kinh doanh, áp dụng triệt để **phương châm chia sẻ lợi ích** để cùng nhau phát triển. Nhờ đó được sự tin cậy, hợp tác của khách hàng nhiều nơi.

Hòa nhập với xu thế thời đại, trang bán hàng online cũng được thiết lập với mục tiêu quảng bá sản phẩm và đến những nơi chưa có chi nhánh/ đại lý phân phối hiện diện, đặc biệt tập trung cho nhóm mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thiết bị y tế.

Xuất khẩu còn chiếm tỷ trọng thấp và đang tiến triển tốt: thị trường Campuchia 53 sản phẩm, Myanmar 15 sản phẩm. Hợp đầu xuất sang Châu Phi, một số nước Nam Á đã được ký kết.

Xét về nhóm hàng, 04 nhóm hàng chủ lực: TIM MẠCH, TIÊU HÓA - GAN MẬT, KHÁNG SINH, KHÁNG VIÊM - GIẢM ĐAU vẫn là trụ cột chính, năm 2022 chiếm tỷ trọng 49% doanh số của công ty, năm 2023 chiếm 52% và tăng 14%. Nhóm chiếm tỷ trọng lớn kế tiếp 34% như: Hạ lipid máu, Hạ đường huyết, Vitamin, Kháng siêu vi, Tuần hoàn não, Cơ xương khớp, Ngoài da... tăng trưởng 27%. Còn lại chỉ giảm doanh số nhóm chiếm tỷ trọng nhỏ 13% (Mỹ phẩm-TP BVSK, Hô hấp, Kháng Histamin, Dược liệu) giảm 37%. **Định vị nhóm sản phẩm cốt lõi giúp doanh số gia tăng.**

### 2.4. Hoạt động Kho vận – Logistics:

Đây là bộ phận quản lý toàn bộ hàng hóa của công ty, mặc dù là đội ngũ hậu cần nhưng quyết định chất lượng dịch vụ khách hàng. Do đó, với sự cải thiện liên tục trong tác phong làm việc và tinh thần trách nhiệm, Agimexpharm đã xây dựng thương hiệu về việc đáp ứng chính xác và nhanh chóng. Ngoài ra, sắp xếp hợp lý giao nhận hàng giữa các nhà máy, chi nhánh và nhà cung cấp, khách hàng...nâng cao hiệu suất vận chuyển góp phần tiết kiệm chi phí.

Đội ngũ kho vận- Logistics với 32 nhân sự điều hành kho hàng tại hai khu sản xuất và trụ sở chính, nhập-xuất hàng trong năm 10.914 tấn (tăng 15% so với năm 2022). Phương tiện vận tải gồm 10 chiếc xe tải (từ 1 đến 8.4 tấn), 11 xe nâng các loại (bán tự động, nâng điện trọng tải 1.3 tấn), và 10 xe ô tô vận chuyển 368 chuyến hàng và 111 chuyến xe công tác của cán bộ nhân viên

### 2.5. Hoạt động tài chính- kế toán:

Nhu cầu vốn lưu động bình quân 63 tỷ đồng để đáp ứng cho doanh số 725 tỷ/năm, do đó việc quản trị công nợ, tồn kho cực kỳ quan trọng. Năm 2023, **doanh số tăng 6%**, các chỉ số được kiểm soát tốt hỗ trợ cho nguồn vốn: nợ phải thu khách hàng **giảm 6%**, nợ phải trả người bán tăng 14%, hàng tồn kho tăng

## 7%. Kết quả dòng tiền cải thiện dần:

Đơn vị tính: triệu đồng

Dòng tiền thuần từ	2019	2020	2021	2022	2023
Hoạt động kinh doanh	(54.899)	(4.215)	14.999	25.500	50.250
Hoạt động đầu tư	(42.634)	(23.549)	(23.441)	(126.696)	(75.782)
Hoạt động tài chính	101.491	22.237	17.752	85.889	45.234
<b>Tổng</b>	<b>3.958</b>	<b>(5.527)</b>	<b>9.310</b>	<b>(15.307)</b>	<b>19.702</b>

Mặc dù vẫn cần nguồn tiền chính từ ngân hàng (tỷ trọng nợ vay ngắn hạn ngân hàng trên tổng tài sản tăng từ 42% năm 2022 lên 44% năm 2023), công ty đảm bảo khả năng thanh toán an toàn và đạt lợi nhuận. Năm 2023, hoàn thành tăng vốn từ 179 tỷ đồng lên 207 tỷ đồng, hoàn tất hồ sơ tín dụng dài hạn cung ứng vốn 70% cho nhà máy kháng sinh Betalactam, kỳ vọng giảm áp lực thanh toán và lãi vay.

### 2.6. Nhân sự, trách nhiệm với xã hội, nghĩa vụ với cổ đông:

Năm 2017 số lượng nhân sự chỉ 281 người, năm 2023 đã lên đến 478 (tăng bình quân 8%/năm). Tổng tiền lương chi cho cán bộ-nhân viên năm 2023 là 49 tỷ đồng (tăng 6 % so với năm 2022).

Chuẩn bị nguồn nhân lực cho tương lai là vấn đề cấp bách. Tuy nhiên chúng tôi không chủ trương tăng số lượng, thay vào đó tinh gọn bộ máy bằng cách đào tạo đội quân tinh nhuệ, **đa năng, đa hiệu**, làm việc khoa học - sáng tạo, ứng dụng công nghệ, cùng với tư duy "Trưởng và nòng cốt làm gương mẫu", tương trợ nhau cùng phát triển, chế độ lương thưởng tương xứng.

Trong năm, tổ chức cuộc thi cho nhân viên “đóng góp ý tưởng sáng tạo trong làm việc và cuộc sống” đã nhận nhiều ý kiến hữu ích, phát huy tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân, chuẩn bị Kỷ niệm 20 năm cổ phần hóa Công ty.

**Đối với cộng đồng:** Công ty đều đặn thực hiện tốt công tác xã hội, bảo vệ môi trường.

**Đối với cổ đông:** tiêu chí bảo toàn và gia tăng giá trị vốn góp, thanh toán cổ tức hàng năm đầy đủ và đúng hạn luôn được thực thi, thông tin luôn được công khai minh bạch, báo cáo đúng quy định trên thị trường chứng khoán.

### 3. Chỉ tiêu kế hoạch 2024:

Mỗi năm cập nhật cho phù hợp với tính khả thi

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
Doanh thu	770	908	998	1.098
Lợi nhuận trước thuế	58	88	106	129

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội.

Từ những chỉ đạo định hướng của Hội đồng Quản Trị ("HĐQT") và ứng phó với những khó khăn và diễn biến phức tạp của thị trường, Ban Tổng Giám Đốc ("TGD") đã có những chỉ đạo quyết liệt và đề ra nhiều chiến lược linh hoạt, đề ra các giải pháp cụ thể, sáng tạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

#### 1.1 Thực hiện kế hoạch doanh số - lợi nhuận – chi trả cổ tức:

➤ Năm 2023:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2022	2023	KH 2023	TH2023/2022	2023/KH2023
Doanh thu	687.047	725.130	750.000	6%	97%
Lợi nhuận trước thuế	53.239	54.196	60.000	2%	90%
Cổ tức	5% tiền mặt, 10% cổ phiếu	Dự kiến 12% cổ phiếu			

### 1.2 Quản trị chất lượng – Sản xuất và R&D:

Chất lượng sản phẩm là giá trị cốt lõi của Agimexpharm, do đó công ty luôn chú trọng việc quản trị chất lượng, nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng và đạt chất lượng cao trong điều trị.

➤ Sản lượng sản xuất nhập kho năm 2023:

Nhà máy	2022	2023	TH 2023/2022
Tổng sản lượng	1.051.390.000 đơn vị	1.177.440.000 đơn vị	12%
1 tháng SX	87.615.833 đơn vị	98.120.000 đơn vị	12%

Năm 2023 sản lượng đạt hơn 1 tỷ đơn vị, tăng 12% so với cùng kỳ. Nhà máy sản xuất được trang bị nhiều máy móc thiết bị hiện đại công suất cao, tổ chức sản xuất khoa học, phát huy nhiều sáng kiến ...

Công tác nghiên cứu phát triển, đăng ký sản phẩm được đầu tư củng cố về số lượng nhân sự và chất lượng. Năm 2023 đăng ký và công bố 55 sản phẩm mới, 36 sản phẩm đăng ký xuất khẩu Myanmar và Cambodia, có 159 bộ hồ sơ chờ thẩm định, hiện tại đã có gần 600 số đăng ký và số công bố, trong đó 68 số đăng ký nước ngoài.

### 1.3 Hoạt động đầu tư:

Năm 2023, hoàn thành và đưa vào hoạt động dự án trên khu công nghiệp Bình Hòa:

- Kho nguyên phụ liệu: 3.831,67 m<sup>2</sup>.
- Nhà máy Non β Lactam (Viên cốt bột): 1.777,68 m<sup>2</sup>.

Đang đầu tư dự án Nhà máy β Lactam với diện tích: 7.776 m<sup>2</sup>. Tiến độ đạt 70% phần xây dựng cơ bản nhà xưởng và trang thiết bị.

### 1.4 Lợi ích cho các bên liên quan luôn được đảm bảo:

**Cổ đông và nhà đầu tư:** Chúng tôi luôn đặt lợi ích của quý cổ đông làm nền tảng cho các quyết định kinh doanh. Nghĩa vụ chi trả cổ tức luôn đầy đủ và đúng thời hạn. Thông tin được công bố một cách minh bạch kịp thời cho Cổ đông và nhà đầu tư.

**Khách hàng:** Với sứ mạng “luôn luôn cung cấp sản phẩm và dịch vụ đạt chất lượng, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng” Agimexpharm không ngừng đầu tư nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, nâng cao hệ thống sản xuất và quản lý chất lượng... để từ đó mang đến các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

**Người lao động:** Đời sống nhân viên được chăm lo. Để người lao động luôn cảm thấy an tâm, cống hiến hết mình và mang lại giá trị thực trong công việc, Agimexpharm đã xây dựng chính sách đãi

ngộ, lương, thưởng, các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao tay nghề, chuyên môn... cho người lao động nhằm giúp họ tin tưởng gắn bó lâu dài với công ty. Hàng năm đều tổ chức cho người lao động đi du lịch, nghỉ dưỡng. Trong nhiều năm qua vinh dự là “Doanh nghiệp vì người lao động”.

**Trách nhiệm đối với cộng đồng:** Là một trong những mục tiêu phát triển bền vững, chúng tôi luôn có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. Trước hết là đặt sức khỏe của con người làm trung tâm, do đó mục tiêu cốt lõi của công ty theo hướng về chất lượng. Kế tiếp là việc cân bằng lợi ích giữa “con người, môi trường và lợi nhuận”. Dù trong điều kiện vật chất vẫn còn hạn chế, chúng tôi đã rất cố gắng hành động mang lại những điều tích cực như: xử lý chất thải đạt chuẩn; phủ thêm cây xanh tại các khu vực có nhà máy hoạt động; tiếp tục thực hiện các hoạt động cộng đồng truyền thống đóng góp các quỹ từ thiện, học bổng, tài trợ cơ quan ban ngành địa phương ...

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu trọng yếu trong năm mà Ban tổng giám đốc (“Ban TGD”) đã cam kết theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ĐHĐCĐ”) và Nghị quyết của HĐQT.

HĐQT đã luôn song hành cùng Ban TGD trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Các thành viên của HĐQT thường xuyên hội ý, thống nhất các giải pháp về đầu tư, tài chính, kinh doanh, quản lý dự án, thủ tục. Giám sát và chỉ đạo các dự án đầu tư của Công ty được triển khai một cách có hiệu quả. Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên, kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT phối hợp với ban kiểm soát giám sát tình hình tuân thủ tại chi nhánh và công ty, giám sát các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng Luật Doanh nghiệp, nghị quyết của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

HĐQT phối hợp với Ban TGD trong công tác quan hệ cổ đông, nhà đầu tư và người lao động.

**Kết luận:** HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban TGD, nhất là sự chỉ đạo quyết liệt của Tổng giám đốc trong thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Mặc dù trong năm 2023, các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm đang phải đối mặt với nhiều khó khăn như cầu tiêu dùng yếu; biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào; cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành, sức ép từ tỷ giá và lãi suất ngân hàng gia tăng. Bên cạnh đó là câu chuyện tăng trưởng chậm của nền kinh tế cũng ảnh hưởng đến ngành dược. Trên thực tế, thị trường dược Việt Nam còn bất ổn nội tại như thiếu tính ổn định do nguyên liệu sản xuất phụ thuộc tới 90% vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

### 3.1 Mục tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2024:

Tốc độ tăng trưởng kỳ vọng 6% so với năm 2023.

*DVT: Triệu đồng*

Năm	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
Doanh thu (tỷ đồng)	725,13	770,00
LN trước thuế (tỷ đồng)	54,19	58,00
Tỷ suất LNTT/DT (%)	7,47%	7,53%

### 3.2 Mục tiêu về Quản trị Công ty:

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của công ty, từ đó có những tư vấn và kiến nghị có giá trị hỗ trợ cho Ban điều hành;

Tăng cường giám sát, đánh giá và góp ý các hoạt động của Ban TGD: đầu tư, tài chính, kinh doanh, sản xuất, quản trị rủi ro, quản trị chất lượng, quản trị nguồn nhân lực, quản lý dự án... Cần phải có giải

pháp để tăng nguồn vốn cho công ty;

HDQT phối hợp chặt chẽ với Ban TGD trong công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, người lao động và các bên liên quan khác.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Số lượng CP sở hữu (tại ngày 31/12/2023) (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu/ VDL (%)
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1	Bà Phạm Thị Bích Thủy	Chủ tịch HĐQT	08/4/2023		361.834	1,75%
2	Ông Nguyễn Văn Kha	Phó Chủ tịch HĐQT	08/4/2023		3.142.725	15,21%
3	Bà Trần Thị Đào	TV. HĐQT (Đại diện cho Cty CP DP Imexpharm)	08/4/2023		6.521.622	31,56%
4	Ông Nguyễn Quốc Định		08/4/2023			
5	Ông Phạm Uyên Nguyên	TV. HĐQT	08/4/2023		2.985.457	14,45%
6	Ông Huỳnh Hoàng Hà	TV. HĐQT	08/4/2023		139.000	0,67%

#### ★ Lý lịch các thành viên HĐQT:

##### 1. Bà Phạm Thị Bích Thủy – Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Xem lý lịch chi tiết tại Trang 5-6

##### 2. Ông Nguyễn Văn Kha – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Xem lý lịch chi tiết tại Trang 5-6

##### 3. Bà Trần Thị Đào – Thành viên. HĐQT

Năm sinh: 01/05/1952

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ

Quá trình công tác:

- 1967 - 1974: Phó Ban lãnh đạo xưởng Dược, Bí thư Chi bộ Ban Dân y Khu VIII
- 1974 - 1977: Học Bổ túc văn hoá tại TP. HCM
- 1977 - 1980: Học chuyên tu Đại học Dược TP.HCM
- 1980 - 1983: Phó phòng nghiệp vụ Dược - Sở Y tế Đồng Tháp
- 1983 - 1984: Học Nga văn Trường Quản lý Y tế TP. HCM
- 1984 - 1998: Giám Đốc Công ty Dược Đồng Tháp
- 1999 - 2000: Giám Đốc Công ty Dược phẩm Trung ương 7
- 2001 - 2004: Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm
- 2005 - nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm

- 03/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Thành viên HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Phó chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
- Thành viên HĐQT Công ty CP Dược S. Pharm
- Thành viên HĐQT Công ty CP Dược Dapharco
- Phó Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu Công ty CP Dược phẩm Imexpharm: 6.521.622 cổ phần (chiếm tỷ lệ 31,56% vốn điều lệ).

#### **4. Ông Nguyễn Quốc Định – Thành viên. HĐQT**

Năm sinh: 20/06/1962

Trình độ chuyên môn: Tài chính – Kế toán

Quá trình công tác:

- 1979 - 1984 : Học Đại học Tài chính Kế toán - Cơ sở 2 TP. HCM
- 1985 - 1991: Chuyên viên Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
- 1992 - 1995 : Phó phòng Tài chính Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
- 1995 - 1999 : Trưởng phòng Nghiệp vụ I Cục Quản lý Vốn và Tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp
- 1999 - 2000 : Phó giám đốc Công ty Dược phẩm Trung Ương 7
- 2001 - 2004: Phó giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm
- 2005 - nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
- 2018 – nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Thành viên HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu Công ty CP Dược phẩm Imexpharm: 6.521.622 cổ phần (chiếm tỷ lệ 31,56% vốn điều lệ).

#### **5. Ông Phạm Uyên Nguyên - Thành viên. HĐQT**

Năm sinh: 08/06/1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1988 - 1991: Phóng viên tập sự Báo Tuổi Trẻ TP. HCM



- 1991 - 1994: Cán bộ nghiên cứu Viện Kinh tế TP. HCM
- 1994 - 1997: Du học Singapore ThS. Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
- 1997 - 2000: Phó trưởng ban Thẩm định Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP. HCM
- 2000- 2003: Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt chi nhánh TP. HCM
- 2003 - 2007: Giám đốc điều hành kiêm trưởng văn phòng đại diện Công ty Vina Capital Investment Management Ltd.
- 2007 - 2012: Tổng giám đốc Công ty CP Quản lý Quỹ hợp lực Việt Nam
- 2012 - nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Thành viên HĐQT không điều hành

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT, Công ty CP Văn hóa Phương Nam
- Thành viên HĐQT, Công ty CP Thế kỷ 21

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 2.985.457 cổ phần (chiếm tỷ lệ 14,45% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ).

#### 6. Ông Huỳnh Hoàng Hà – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Xem lý lịch chi tiết tại Trang 6

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành họp 04 phiên định kỳ, các Thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của công ty. Các cuộc họp này đều có sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát.

Kết quả của các cuộc họp:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Kha	4/4	100%
2	Bà Phạm Thị Bích Thủy	4/4	100%
3	Bà Trần Thị Đào	4/4	100%
4	Ông Nguyễn Quốc Định	4/4	100%
5	Ông Phạm Uyên Nguyên	3/4	75%
6	Ông Huỳnh Hoàng Hà	3/4	100%

Các Nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ- AGP.HĐQT	08/04/2023	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD nhiệm kỳ 2023-2027	100%
2	02/NQ- AGP.HĐQT	08/04/2023	Bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD nhiệm kỳ 2023-2027	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
3	03/NQ- AGP.HĐQT	20/04/2023	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	100%
4	04/NQ- AGP.HĐQT	20/04/2023	Thông qua trình tự thực hiện của các đợt chào bán, phát hành chứng khoán trả cổ tức	100%
5	05/NQ- AGP.HĐQT	08/05/2023	Xác định Tiêu chuẩn Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động; Thời gian thực hiện	100%
6	06/NQ- AGP.HĐQT	08/05/2023	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	100%
7	07/NQ- AGP.HĐQT	16/06/2023	Chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2022 bằng tiền và cổ phiếu	100%
8	08/NQ- AGP.HĐQT	10/07/2023	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu NLD không thực hiện quyền mua	100%
9	09/NQ- AGP.HĐQT	15/07/2023	Thông qua kết quả người lao động thực hiện quyền mua trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty;	100%
10	10/NQ- AGP.HĐQT	28/07/2023	Thông qua sửa đổi điều lệ và điều chỉnh giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh	100%
11	01/QĐ-HĐQT	20/04/2023	Quy chế phát hành ESOP	100%
12	02/QĐ-HĐQT	02/06/2023	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện Vĩnh Long	100%
13	03/QĐ-HĐQT	07/06/2023	Thay đổi địa chỉ Chi nhánh Hà Nội	100%

Trong năm 2023, HĐQT đã triển khai các hoạt động giám sát và hỗ trợ đối với Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, Biên bản và Nghị quyết của HĐQT;
- Đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng;
- Xây dựng chiến lược phát triển nhằm tối đa hóa nguồn lực doanh nghiệp, nâng cao khả năng quản trị, chất lượng sản phẩm;
- Xây dựng chính sách phát triển thị trường; đề xuất chính sách thu hút nguồn nhân lực trình độ cao;
- Tham mưu về việc lấy ý kiến cổ đông liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ, lựa chọn đơn vị tư vấn phù hợp và chịu trách nhiệm về những vấn đề pháp lý liên quan.
- Chính sách công bố thông tin tuân thủ theo quy chế công bố thông tin được HĐQT ban hành và tuân thủ các nguyên tắc: Thông tin minh bạch, đầy đủ, chính xác, chuẩn mực và được công bố đúng thời gian quy định.

*d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có*

*e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm*

## 2. Ban Kiểm soát

*a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát*

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (tại ngày 31/12/2023)	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Ghi chú
1	Bà Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	29.548	0,14%	
2	Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%	
3	Bà Phạm Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát	6.300	0,03%	Bổ nhiệm 08/04/2023
4	Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	13.740	0,07%	Miễn nhiệm 08/04/2023

### ★ Lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

#### 1. Bà Trần Thị Thanh Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 03/11/1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển

Quá trình công tác:

- 1995 - 2000: Học Đại học Hàng Hải
- 2001 - 2003: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển Trường Đại học Hàng Hải
- 2000 - 2007: Giảng viên Khoa Kinh tế Vận tải biển Trường ĐH GTVT TP. HCM
- 2004 - nay: Giảng viên bán cơ hữu dạy Môn Thị trường chứng khoán Khoa Quản trị Kinh doanh Trường ĐH Kỹ thuật Công nghệ TP. HCM
- 2004 - 2006: Giám đốc Công ty CP Phát Phát TP. HCM
- 2007 - 2010: Giám đốc Công ty CP Hồng Ngân TP. HCM
- 2009 - 2013: Cử nhân Luật Trường Đại học Luật TP. HCM
- 2010 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Đào tạo Doanh Chủ TP. HCM
- 2007 - 2010: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
- 2010 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Trưởng Ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Tổng giám đốc CTCP Đầu tư và Đào tạo Doanh Chủ
- Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Kỹ Nghệ Đô Thành

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 29.548 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,14% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ).

#### 2. Bà Nguyễn Hồng Ngọc - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 29/08/1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 2008 - 2015: Nhân viên Phòng Kế toán Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
- 2015 - 2017: Tổ trưởng phụ trách kiểm tra chi phí bán hàng CTCP Dược phẩm Imexpharm
- 2017 - nay: Phó Trưởng phòng Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
- 2018 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Thành viên BKS CTCP DP Agimexpharm

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Trưởng phòng CTCP DP Imexpharm

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

### **3. Bà Phạm Hải Yến – Thành viên Ban Kiểm soát**

Năm sinh: 15/03/1992

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế

Quá trình công tác:

- 2010 - 2014: Học Kinh tế đối ngoại - Trường Đại học Ngoại Thương TPHCM
- 2016 - 2018: Học Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế - Trường Đại học Ngoại Thương TPHCM
- 2015 - 2018: Kiểm toán viên - Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- 2018 – nay: Người phụ trách quản trị Công ty CP DP Agimexpharm
- 04/2023 - nay: Người phụ trách quản trị Công ty và Thành viên BKS CTCP DP Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Người phụ trách quản trị Công ty và Thành viên BKS CTCP DP Agimexpharm

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 6.300 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

### **4. Bà Lê Thị Thuỳ Linh – Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 08/04/2023)**

Năm sinh: 19/11/1986

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ

Quá trình công tác:

- 2007 - 2011: Nhân viên Xưởng Sản xuất và Đảm bảo chất lượng Công ty CPDP Agimexpharm
- 2011 - 2015: Học đại học tại trường Đại học Y Dược TP. HCM
- 2015 - 2017: Chuyên viên Đảm bảo chất lượng Công ty CP DP Agimexpharm
- 2017 - nay: Phó Giám đốc Đảm bảo chất lượng Công ty CP DP Agimexpharm
- 2018 – 08/04/2023: Phó Giám đốc Đảm bảo chất lượng và Thành viên BKS CTCP DP Agimexpharm

Các chức vụ công tác hiện nay tại AGIMEXPHARM: Phó Giám đốc Đảm bảo chất lượng Công ty

CP Dược phẩm Agimexpharm

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2023:

- Sở hữu cá nhân: 9.300 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Các cuộc họp trong năm của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Trần Thị Thanh Hằng	2/2	100%	100%
2	Bà Nguyễn Hồng Ngọc	2/2	100%	100%
3	Bà Phạm Hải Yến	2/2	100%	100%

**- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông:**

- HĐQT và Ban TGD điều hành luôn tuân thủ theo Điều lệ, Quy chế quản trị và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên. Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo luật định. Phối hợp với BKS thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Kết quả giám sát cho thấy chưa phát hiện trường hợp sai phạm;
- BKS thống nhất toàn bộ nội dung đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT được xác định trong Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
- Ban TGD điều hành luôn bám sát việc chỉ đạo và điều hành thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực... đáp ứng theo yêu cầu thực hiện các chương trình mục tiêu và các định hướng chiến lược đã được HĐQT Công ty xác định.

**- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD và cán bộ quản lý khác:**

- Năm 2023, BKS đã tiếp tục thực hiện việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của HĐQT, Ban TGD điều hành và các cán bộ quản lý khác theo đúng Điều lệ của Công ty. BKS thực hiện đúng Quy chế hoạt động của Ban và đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong BKS tập trung vào những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực như sau:
  - Thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD trong việc quản lý, điều hành Công ty và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua;
  - Tham gia các cuộc họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt việc điều hành chỉ đạo cũng như việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
  - Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và các quyết định, quy chế của Công ty;
  - Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, xem xét các ảnh hưởng trong công tác kế toán và thẩm tra tính trung thực của Báo cáo. Giám sát việc huy động, sử dụng và quản lý nguồn vốn của Công ty;
  - Thực hiện kiểm tra định kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty trong năm 2023. Việc kiểm tra được thực hiện phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Phạm Thị Bích Thủy	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	225.475.000	160.000.000	85.000.000	470.475.000
Ông Nguyễn Văn Kha	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	552.000.000	200.000.000	128.000.000	880.000.000
Ông Huỳnh Hoàng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	222.844.000	-	60.000.000	282.844.000
Bà Trần Thị Đào	Thành viên HĐQT	-	140.000.000	82.000.000	222.000.000
Ông Nguyễn Quốc Định	Thành viên HĐQT	-	140.000.000	82.000.000	222.000.000
Ông Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	-	140.000.000	82.000.000	222.000.000
Ông Lâm Trí Hiền	Phó Tổng Giám đốc	155.702.320	-	-	155.702.320
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	194.462.774	-	-	194.462.774
Bà Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	-	140.000.000	79.000.000	219.000.000
Bà Phạm Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát	129.247.447	-	24.000.000	153.247.447
Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	-	25.000.000	33.000.000	58.000.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 08/4/2023)	40.481.280	12.500.000	9.000.000	61.981.280
<b>Cộng</b>		<b>1.520.212.821</b>	<b>957.500.000</b>	<b>664.000.000</b>	<b>3.141.712.821</b>

**b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bà. Phạm Thị Bích Thủy	CT. HĐQT – Phó Tổng giám đốc	312.577	1,74%	361.834	1,75%	Mua theo ESOP & nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu.
2	Ông. Nguyễn Văn Kha	Phó CT. HĐQT - Tổng giám đốc	2.635.114	14,66%	3.130.125	15,15%	Bổ sung danh mục đầu tư & mua theo ESOP & nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu.
3	Ông. Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	2.702.052	15,04%	2.985.457	14,45%	Bổ sung danh mục đầu tư & nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu
4	Ông. Huỳnh Hoàng Hà	Thành viên HĐQT - Phó TGD	101.564	0,57%	134.000	0,65%	Bổ sung danh mục đầu tư & mua theo ESOP & nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu.
4.1	Bà. Lê Thị Thu Trúc	- Người có liên quan đến Ông Huỳnh Hoàng Hà – Vợ	0	0,00%	2.000	0,01%	Mua theo ESOP
4.2	Ông. Huỳnh Hoàng Sang	- Người có liên quan đến Ông Huỳnh Hoàng Hà - Anh ruột	1.400	0,01%	1.640	0,01%	Nhận cổ tức bằng cp 2022
5	Bà. Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng BKS	26.863	0,15%	29.548	0,14%	Nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu
6	Bà. Phạm Hải Yến	Người phụ trách Quản trị Công ty	3.000	0,02%	6.300	0,03%	Mua theo ESOP & nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu.
6.1	Ông. Từ Minh Trí	- Người có liên quan đến Bà Phạm Hải Yến - Chồng	16.988	0,09%	18.686	0,09%	Nhận cổ tức bằng cp 2022

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
7	Ông. Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	73.606	0,41%	91.966	0,45%	Mua theo ESOP & nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu
8	Ông. Lâm Trí Hiền	Phó Tổng Giám đốc	89.076	0,50%	111.983	0,54%	Mua theo ESOP & nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu
9	Bà. Lê Minh Ngọc	Người được ủy quyền công bố thông tin	2.000	0,01%	5.200	0,03%	Mua theo ESOP & nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu.
9.1	Ông. Lê Văn Mác	- Người có liên quan đến Bà Lê Minh Ngọc - Cha	88.451	0,49%	106.296	0,51%	Mua theo ESOP & nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu.
9.2	Bà. Lâm Hoàng Anh	- Người có liên quan đến Bà Lê Minh Ngọc - Mẹ	64.674	0,36%	71.141	0,34%	Nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu
9.3	Ông. Nguyễn Thái Cường	- Người có liên quan đến Bà Lê Minh Ngọc - Chồng	47.508	0,26%	52.258	0,25%	Nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu
10	Bà. Trần Nguyễn Minh Hiền	Kế toán trưởng	29.082	0,16%	43.490	0,21%	Mua theo ESOP & nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu.
10.1	Nguyễn Ngọc Hoà Nghi	- Người có liên quan đến Bà Trần Nguyễn Minh Hiền - Chồng	7.750	0,04%	8.525	0,04%	Nhận cổ tức 2022 bằng cổ phiếu

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Cổ đông lớn	1400384433	Số 4 Đường 30/4, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	01/01/2023 - 31/12/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua hàng hóa: 13.502.694.877 đồng</li> <li>- Bán hàng hóa: 18.705.236.111 đồng</li> <li>- Mua tài sản cố định: 1.275.000.000 đồng</li> <li>- Nhận cổ tức 2022: 10% bằng tiền: 68.458.000 đồng; 5% bằng cổ phiếu: 3.422cp.</li> <li>- Trả cổ tức 2022: 5% bằng tiền: 2.964.374.000 đồng; 10% bằng cổ phiếu: 592.874cp.</li> </ul>

**d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

- Xác định quản trị công ty là yếu tố cốt lõi đảm bảo tăng trưởng và phát triển bền vững;
- Xây dựng cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam kết hợp vận dụng các thông lệ quốc tế;
- Đảm bảo các quyền lợi cơ bản và đối xử bình đẳng với cổ đông;
- Công bố thông tin kịp thời và chính xác;
- Đảm bảo định hướng chiến lược của công ty;
- Giám sát có hiệu quả công tác quản trị và trách nhiệm của HĐQT với công ty và cổ đông;
- Tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên HĐQT và BTGD thông qua việc cử cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty.

**VI. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến kiểm toán:**

Số: 4.0031/24/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm



soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh

Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Hữu Nghi

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 3132-2020-008-1

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


					Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm		
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>579.184.460.944</b>	<b>528.115.984.052</b>		
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>28.593.912.944</b>	<b>8.883.989.927</b>		
Tiền	111		28.593.912.944	8.383.989.927		
Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000		
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.097.651.256</b>	<b>959.189.633</b>		
Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.097.651.256	959.189.633		
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	5.000.000.000	-		
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>239.341.930.244</b>	<b>231.729.881.513</b>		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	170.380.121.071	180.555.112.790		
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.600.930.362	11.450.348.443		
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-		
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-		
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-		
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	60.709.741.193	43.992.953.804		
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.348.862.382)	(4.268.533.524)		
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-		
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>290.485.910.070</b>	<b>272.281.666.695</b>		
Hàng tồn kho	141	V.7	290.485.910.070	272.281.666.695		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-		
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.665.056.430</b>	<b>14.261.256.284</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	592.986.900	635.811.586		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.015.068.065	13.625.444.698		
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	57.001.465	-		
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-		


Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>318.578.953.120</b>	<b>274.323.810.338</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.209.880.680</b>	<b>8.341.818.344</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	9.209.880.680	8.341.818.344
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>242.845.119.740</b>	<b>208.938.917.598</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	172.015.367.305	145.602.490.155
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>285.731.543.646</i>	<i>238.658.537.541</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(113.716.176.341)</i>	<i>(93.056.047.386)</i>
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	49.198.904.128	41.577.747.493
<i>Nguyên giá</i>	225		<i>59.289.684.585</i>	<i>48.921.374.371</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		<i>(10.090.780.457)</i>	<i>(7.343.626.878)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	21.630.848.307	21.758.679.950
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>23.918.228.698</i>	<i>23.918.228.698</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(2.287.380.391)</i>	<i>(2.159.548.748)</i>
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>44.025.276.144</b>	<b>32.048.828.270</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	44.025.276.144	32.048.828.270
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>17.130.750.000</b>	<b>22.269.211.623</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	17.130.750.000	17.130.750.000


Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	138.461.623
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	5.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.367.926.556</b>	<b>2.725.034.503</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.367.926.556	2.725.034.503
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>897.763.414.064</b>	<b>802.439.794.390</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>543.079.077.260</b>	<b>488.272.260.388</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>525.293.552.412</b>	<b>456.230.994.792</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	99.387.810.002	87.297.356.460
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.774.227.080	3.189.081.721
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	10.443.966.097	6.837.683.120
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	823.938.734	1.374.967.604
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	610.781.740	122.976.555
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.417.508.397	1.955.045.462
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	393.089.608.885	333.489.662.276
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	17.745.711.477	21.964.221.594
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.785.524.848</b>	<b>32.041.265.596</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-

Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	17.785.524.848	32.041.265.596
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>354.684.336.804</b>	<b>314.167.534.002</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>354.684.336.804</b>	<b>314.167.534.002</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	206.644.530.000	179.692.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>206.644.530.000</i>	<i>179.692.470.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21a	25.726.714.700	25.726.714.700
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	78.700.305.421	65.838.076.707
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	43.612.786.683	42.910.272.595
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		-	<i>42.910.272.595</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>43.612.786.683</i>	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>897.763.414.064</b>	<b>802.439.794.390</b>



  
 Đỗ Thị Kim Lén  
 Người lập

  
 Trần Nguyễn Minh Hiền  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Kha  
 Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

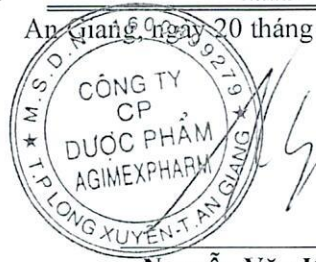
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	728.406.444.724	700.794.581.009
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.276.338.451	13.747.430.345
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		725.130.106.273	687.047.150.664
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	510.403.984.936	457.695.910.428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		214.726.121.337	229.351.240.236
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	630.869.494	1.128.704.034
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	39.089.942.209	28.616.111.204
Trong đó: chi phí lãi vay	23		35.448.415.211	24.161.385.657
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	82.644.842.348	108.171.572.572
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	39.692.723.111	40.746.657.112
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.929.483.163	52.945.603.382
11. Thu nhập khác	31	VI.8	266.270.942	341.920.833
12. Chi phí khác	32		-	48.088.243
13. Lợi nhuận khác	40		266.270.942	293.832.590
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.195.754.105	53.239.435.972
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	10.582.967.422	10.329.163.377
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.612.786.683	42.910.272.595
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,c	2.119	2.367
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b,c	2.119	2.367

An Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Đỗ Thị Kim Lén  
Người lập

Trần Nguyễn Minh Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha  
Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		54.195.754.105	53.239.435.972
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	30.606.068.363	21.092.330.181
- Các khoản dự phòng	03	V.6	80.328.858	542.540.038
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	92.815.996	(56.497.787)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.9	(516.224.093)	(925.365.948)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	35.448.415.211	24.161.385.657
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119.907.158.440	98.053.828.113
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.050.839.027)	(26.130.615.044)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.204.243.375)	(13.297.579.115)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.443.213.463	7.159.429.081
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.600.067.367)	(482.512.353)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(138.461.623)	(959.189.633)
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.5	(35.444.400.681)	(24.016.535.596)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(6.348.334.287)	(12.151.265.768)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.314.490.498)	(2.675.188.116)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.249.535.045	25.500.371.569
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.12	(98.035.182.514)	(150.355.901.481)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		21.678.282.317	32.390.815.342
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			

4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10.210.250.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		138.461.623	528.388.377
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		436.579.198	950.952.137
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(75.781.859.376)</b>	<b>(126.695.995.625)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21a	8.984.620.000	61.608.840.000
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.19a,b	580.903.399.136	557.216.734.566
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a	(517.203.591.031)	(501.648.298.196)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19a,b	(18.355.602.244)	(13.215.298.963)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21d	(9.094.834.800)	(18.073.304.401)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>45.233.991.061</b>	<b>85.888.673.006</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>19.701.666.730</b>	<b>(15.306.951.050)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>8.883.989.927</b>	<b>24.176.963.807</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.256.287	13.977.170
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>28.593.912.944</b>	<b>8.883.989.927</b>

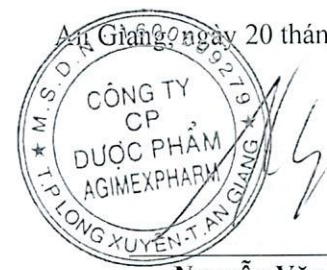
Áp dụng từ ngày 20 tháng 02 năm 2024



**Đỗ Thị Kim Lén**  
Người lập



**Trần Nguyễn Minh Hiền**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Kha**  
Tổng Giám đốc



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện; Mua bán thuốc, dược phẩm; Mua bán thực phẩm dinh dưỡng; Sản xuất kinh doanh mỹ phẩm; Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm; Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế; Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (Doanh nghiệp tuân thủ quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động); Sản xuất thực phẩm chức năng; Sản xuất kinh doanh chế biến tinh dầu từ thảo dược; Sản xuất kinh doanh thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 5. Cấu trúc Công ty

#### *Công ty liên doanh*

Công ty chỉ đầu tư vào USA-AGP Pharma, LLC có trụ sở chính tại số 14314 đường Brookhurst, thành phố Graden Grove, California, 92843. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên doanh này là đóng gói và kinh doanh các sản phẩm viên nang, viên nén đóng chai thuộc thực phẩm chức năng, dược liệu, linh chi, đông trùng hạ thảo. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên doanh này là 43,24%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 478 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 437 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá mua của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh***

##### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên doanh. Nếu công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có

quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 15

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao phương pháp đường thẳng theo thời gian ghi trên quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.617.569.901	2.297.978.122
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.976.343.043	6.086.011.805
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>28.593.912.944</b></u>	<u><b>8.883.989.927</b></u>



## 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>						
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	1.052.350.306	3.189.466.600	-	913.888.683	3.230.813.600	-
Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	45.300.950	122.524.200	-	45.300.950	123.948.900	-
<b>Cộng</b>	<b>1.097.651.256</b>	<b>3.311.990.800</b>	<b>-</b>	<b>959.189.633</b>	<b>3.354.762.500</b>	<b>-</b>

### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng <sup>(i)</sup>	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
<b>Dài hạn</b>				
Trái phiếu kỳ hạn 08 năm	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

<sup>(i)</sup> Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.19a).

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>				
USA-AGP Pharma, LLC <sup>(i)</sup>	17.130.750.000	-	17.130.750.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	-	-	138.461.623	-
<b>Cộng</b>	<b>17.130.750.000</b>	<b>-</b>	<b>17.269.211.623</b>	<b>-</b>

<sup>(i)</sup> Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 201900695, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 7 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 09 tháng 4 năm 2022 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào USA-AGP Pharma, LLC 19.663.050.000 VND (tương đương 850.000 USD), chiếm 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 17.130.750.000 VND (tương đương 735.000 USD), chiếm 43,24% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào USA-AGP Pharma, LLC là 2.532.300.000 VND (tương đương 115.000 USD).

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

USA-AGP Pharma, LLC tiến hành xây dựng Nhà máy sản xuất đã hoàn thành theo đúng mục tiêu quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Hiện tại Công ty đã hoàn tất các thủ tục, giấy phép và có thể bắt đầu đưa vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với công ty liên doanh

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với USA-AGP Pharma, LLC là công ty liên doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn	-	10.210.250.000

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu bên liên quan</b>	-	<b>3.600.136.677</b>
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm	-	3.600.136.677
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>170.380.121.071</b>	<b>176.954.976.113</b>
Công ty TNHH Dược Tuệ Nam	2.867.302.988	8.040.580.678
Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Xuyên Á	13.369.929.004	16.476.696.245
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharmacity	8.148.899.848	8.968.903.995
Công ty TNHH Nagomed	12.936.429.946	6.014.851.500
Các khách hàng khác	133.057.559.285	137.453.943.695
<b>Cộng</b>	<b><u>170.380.121.071</u></b>	<b><u>180.555.112.790</u></b>

Một số công nợ phải thu khách hàng cuối năm có giá trị ghi sổ là 64.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>		
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	1.700.362	2.659.845.185
Công ty TNHH Thiết bị máy móc Hưng Phát	-	3.531.400.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ điện lạnh Long Giang	1.916.774.242	1.247.055.938
Công ty TNHH Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Khang Gia	5.153.500.000	-
Công ty TNHH Công nghệ tự động HTP	1.716.132.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.312.823.758	2.512.047.320
<b>Cộng</b>	<b><u>12.600.930.362</u></b>	<b><u>11.450.348.443</u></b>

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Tạm ứng	28.309.248.027	-	14.459.814.445	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	111.082.192	-	163.255.479	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	28.156.109.040	-	26.135.359.436	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.133.301.934	-	3.234.524.444	-
<b>Cộng</b>	<b><u>60.709.741.193</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>43.992.953.804</u></b>	<b><u>-</u></b>

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

### 6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.348.862.382	-	4.268.533.524	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>4.348.862.382</i>	<i>-</i>	<i>4.268.533.524</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>4.348.862.382</b>	<b>-</b>	<b>4.268.533.524</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.268.533.524	3.725.993.486
Trích lập dự phòng bổ sung	80.328.858	542.540.038
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.348.862.382</b>	<b>4.268.533.524</b>

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	147.299.226.794	-	162.001.785.464	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.392.481.769	-	20.866.671.599	-
Thành phẩm	110.402.333.359	-	86.431.428.947	-
Hàng hóa	1.391.868.148	-	1.384.941.485	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.596.839.200	-
<b>Cộng</b>	<b>290.485.910.070</b>	<b>-</b>	<b>272.281.666.695</b>	<b>-</b>

Một số hàng tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 223.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	280.408.333	273.325.469
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	312.578.567	362.486.117
<b>Cộng</b>	<b>592.986.900</b>	<b>635.811.586</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.429.390.051	2.301.938.669
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.938.536.505	423.095.834
<b>Cộng</b>	<b>5.367.926.556</b>	<b>2.725.034.503</b>

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 94.338.069.630 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	48.921.374.371
Tăng trong năm	24.115.017.838
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(13.746.707.624)
<b>Số cuối năm</b>	<b>59.289.684.585</b>

Máy móc và thiết bị

<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	7.343.626.878
Khấu hao trong năm	8.697.481.075
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(5.950.327.496)
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.090.780.457</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	41.577.747.493
<b>Số cuối năm</b>	<b>49.198.904.128</b>

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	22.114.149.854	1.804.078.844	23.918.228.698
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.114.149.854</b>	<b>1.804.078.844</b>	<b>23.918.228.698</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.804.078.844	1.804.078.844
Chờ thanh lý	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	446.124.507	1.713.424.241	2.159.548.748
Khấu hao trong năm	37.177.040	90.654.603	127.831.643
<b>Số cuối năm</b>	<b>483.301.547</b>	<b>1.804.078.844</b>	<b>2.287.380.391</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	21.668.025.347	90.654.603	21.758.679.950
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.630.848.307</b>	<b>-</b>	<b>21.630.848.307</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 21.630.848.307 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>3.954.751.020</b>	<b>3.976.516.390</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	3.954.751.020	3.976.516.390
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>95.433.058.982</b>	<b>83.320.840.070</b>
Chi nhánh Công ty TNHH Glandcore	17.557.193.825	6.417.935.628
Công ty TNHH Sản xuất Constantia Việt Nam	3.923.240.718	5.295.382.689
Công ty TNHH Hóa dược phẩm Phương Phúc	13.535.626.487	-
Công ty TNHH MTV Dược Anpharma	-	32.024.952.816
Các nhà cung cấp khác	60.416.997.952	39.582.568.937
<b>Cộng</b>	<b>99.387.810.002</b>	<b>87.297.356.460</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Nguyễn Vy	81.042.242	461.320.966
Công ty Cổ phần Hồng Danh	25.196.220	472.143.420
Bà Lê Bích Ngọc	466.228.210	503.858.339
Bà Lê Thị Hoàng Mỹ	286.388.862	512.242.693
Bà Nguyễn Thị Ngọc Phụng	221.835.330	364.146.786
Các khách hàng khác	693.536.216	875.369.517
<b>Cộng</b>	<b><u>1.774.227.080</u></b>	<b><u>3.189.081.721</u></b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	49.651.562	-	-	(49.651.562)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.209.332.962	-	10.582.967.422	(6.348.334.287)	10.443.966.097	-
Thuế thu nhập cá nhân	578.698.596	-	2.563.338.671	(3.199.038.732)	-	57.001.465
Thuế nhà đất	-	-	13.356.253	(13.356.253)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	332.571.120	(332.571.120)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	24.666.666	(24.666.666)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	197.905.496	(197.905.496)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.837.683.120</b>	<b>-</b>	<b>13.714.805.628</b>	<b>(10.165.524.116)</b>	<b>10.443.966.097</b>	<b>57.001.465</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nhóm các mặt hàng thuốc, dược phẩm các loại 5%
- Nhóm các loại mỹ phẩm và thực phẩm chức năng 10%

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Năm 2020, Công ty đã đưa vào hoạt động Dự án Nhà máy Thuốc dược liệu Bình Hòa trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Căn cứ theo các quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, dự án được hưởng ưu đãi thuế với thuế suất 17% trong 10 năm đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên địa bàn này và được miễn thuế trong 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2023 là năm thứ hai dự án được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.195.754.105	53.239.435.972
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	558.219.122	630.022.178
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	54.753.973.227	53.869.458.150
Thu nhập được miễn thuế	(98.670.000)	(114.163.200)
Thu nhập tính thuế	54.655.303.227	53.755.294.950
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

	Năm nay	Năm trước
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>10.931.060.646</b>	<b>10.751.058.990</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(90.806.928)</b>	<b>(110.059.725)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>(257.286.296)</b>	<b>(311.835.888)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>10.582.967.422</b>	<b>10.329.163.377</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### **16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các tổ chức khác</b>		
Chi phí lãi vay phải trả	457.273.011	453.258.481
Chi phí hoa hồng và khuyến mãi	366.665.723	921.709.123
<b>Cộng</b>	<b>823.938.734</b>	<b>1.374.967.604</b>

### **17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn** Là lãi bán tài sản đi thuê tài chính.

### **18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả bên liên quan</b>	-	<b>20.326.000</b>
Cá nhân có liên quan - Cổ tức phải trả	-	20.326.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>1.417.508.397</b>	<b>1.934.719.462</b>
Kinh phí công đoàn	286.117.321	256.119.186
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.017.699.120	1.107.584.420
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	113.691.956	571.015.856
<b>Cộng</b>	<b>1.417.508.397</b>	<b>1.955.045.462</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### **19. Vay và nợ thuê tài chính**

#### **19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</b>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	376.570.820.402	311.600.617.831
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(i)</sup>	203.451.193.992	148.623.773.574
- Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang <sup>(ii)</sup>	73.439.165.543	84.559.082.246
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(iii)</sup>	49.991.268.027	44.504.015.540
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(iv)</sup>	29.714.272.702	33.913.746.471
- Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam <sup>(v)</sup>	19.974.920.138	-
Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(vi)</sup>	400.000.000	7.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	2.153.684.208
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	16.118.788.483	11.935.360.237
<b>Cộng</b>	<b>393.089.608.885</b>	<b>333.489.662.276</b>

- Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ tiết kiệm và thế chấp quyền đòi nợ, hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.2b, V.3, V.7, V.9 và V.11).
  - (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.114).
  - (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.7, V.9 và V.11 và).
  - (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ không quá 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho của Công ty và cầm cố tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7 và VII.1a).
  - (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ không quá 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
  - (vi) Khoản vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân bên ngoài và nhân viên Công ty để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, lãi suất 7,5%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	311.600.617.831	536.975.534.646	13.644.574.748	(485.649.906.823)	376.570.820.402
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.800.000.000	22.000.000.000	-	(29.400.000.000)	400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.153.684.208	-	-	(2.153.684.208)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	11.935.360.237	-	18.798.287.589	(14.614.859.343)	16.118.788.483
<b>Cộng</b>	<b>333.489.662.276</b>	<b>558.975.534.646</b>	<b>32.442.862.337</b>	<b>(531.818.450.374)</b>	<b>393.089.608.885</b>

**19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>		
Vay dài hạn ngân hàng	-	13.644.574.748
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	-	13.644.574.748
Nợ thuê tài chính	17.785.524.848	18.396.690.848
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chaileas để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 36 tháng	9.283.115.994	5.221.792.299
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 36 tháng	-	91.413.451
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 36 tháng	8.502.408.854	13.083.485.098

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b>17.785.524.848</b>	<b>32.041.265.596</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Nợ thuê tài chính	33.904.313.331	16.118.788.483	17.785.524.848
<b>Cộng</b>	<b>33.904.313.331</b>	<b>16.118.788.483</b>	<b>17.785.524.848</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	13.644.574.748	-	13.644.574.748
Vay dài hạn các tổ chức khác	2.153.684.208	2.153.684.208	-
Nợ thuê tài chính	30.332.051.085	11.935.360.237	18.396.690.848
<b>Cộng</b>	<b>46.130.310.041</b>	<b>14.089.044.445</b>	<b>32.041.265.596</b>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền gốc phải trả	16.118.788.483	17.785.524.848	33.904.313.331
Lãi thuê phải trả	2.509.505.124	1.176.741.549	3.686.246.673
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>18.628.293.607</b>	<b>18.962.266.397</b>	<b>37.590.560.004</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền gốc phải trả	11.935.360.237	18.396.690.848	30.332.051.085
Lãi thuê phải trả	2.266.880.458	1.767.749.728	4.034.630.186
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>14.202.240.695</b>	<b>20.164.440.576</b>	<b>34.366.681.271</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	13.644.574.748	-	-	(13.644.574.748)	-
Nợ thuê tài chính	18.396.690.848	21.927.864.490	(3.740.742.901)	(18.798.287.589)	17.785.524.848
<b>Cộng</b>	<b>32.041.265.596</b>	<b>21.927.864.490</b>	<b>(3.740.742.901)</b>	<b>(32.442.862.337)</b>	<b>17.785.524.848</b>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

## 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21.958.764.653	2.038.954.158	1.807.000	(6.283.637.434)	17.715.888.377
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	5.456.941	1.044.366.159	-	(1.020.000.000)	29.823.100
<b>Cộng</b>	<b>21.964.221.594</b>	<b>3.083.320.317</b>	<b>1.807.000</b>	<b>(7.303.637.434)</b>	<b>17.745.711.477</b>

## 21. Vốn chủ sở hữu

### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	65.216.220.000	59.287.480.000



	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Phạm Uyên Nguyên	29.854.570.000	27.020.520.000
Ông Nguyễn Văn Kha	31.427.250.000	21.686.140.000
Các cổ đông khác	80.146.490.000	71.698.330.000
<b>Cộng</b>	<b><u>206.644.530.000</u></b>	<b><u>179.692.470.000</u></b>

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:01 (cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phần được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết số 01/NQ-AGP.ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 17.967.440.000 VND. Và Công ty đã chào bán 898.462 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết số 01/NQ-AGP.ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2023 của ĐHĐCĐ 2023 với số tiền 8.984.620.000 VND. Ngày 31 tháng 7 năm 2023, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 206.644.530.000 VND.

### 21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.664.453	17.969.247
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.664.453	17.969.247
- Cổ phiếu phổ thông	20.664.453	17.969.247
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.664.453	17.969.247
- Cổ phiếu phổ thông	20.664.453	17.969.247
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-AGP.ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 2.038.954.158
• Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	: 1.044.366.159
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 12.873.081.778
• Chia cổ tức	: 26.953.870.500
Trong đó:	
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	17.969.247.000
- Trả cổ tức bằng tiền	8.984.623.500

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức	9.094.834.800	18.073.304.401
<b>Cộng</b>	<b><u>9.094.834.800</u></b>	<b><u>18.073.304.401</u></b>

### 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 4.223,55 USD (số đầu năm là 2.049,41 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	6.831.338.010	11.814.243.220
Doanh thu bán thành phẩm	721.575.106.714	688.980.337.789
<b>Cộng</b>	<b><u>728.406.444.724</u></b>	<b><u>700.794.581.009</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm là cổ đông lớn của Công ty với số tiền là 17.858.550.750 VND (năm trước là 22.233.276.016 VND).

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	204.680.908	10.478.415.720
Hàng bán bị trả lại	3.071.657.543	3.131.660.985
Giảm giá hàng bán	-	137.353.640
<b>Cộng</b>	<b><u>3.276.338.451</u></b>	<b><u>13.747.430.345</u></b>

### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.427.527.262	13.512.330.520
Giá vốn của thành phẩm đã bán	503.976.457.674	444.183.579.908
<b>Cộng</b>	<b><u>510.403.984.936</u></b>	<b><u>457.695.910.428</u></b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.070.662	44.901.243
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	124.304.404	228.655.478
Lãi đầu tư trái phiếu, cổ phiếu	161.431.507	585.635.513
Cổ tức, lợi nhuận được chia	98.670.000	114.163.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	220.392.921	98.850.813
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	56.497.787
<b>Cộng</b>	<b><u>630.869.494</u></b>	<b><u>1.128.704.034</u></b>

### 5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	35.448.415.211	24.161.385.657
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	125.615.708	125.744.810
Chiết khấu thanh toán cho người mua	3.423.095.294	4.328.003.981
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	92.815.996	-
Chi phí giao dịch bán chứng khoán	-	976.756
<b>Cộng</b>	<b><u>39.089.942.209</u></b>	<b><u>28.616.111.204</u></b>

### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.901.050.028	19.610.957.435
Chi phí vật liệu, bao bì	53.956.352	5.501.330
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	461.599.630	290.715.076
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.535.264.500	312.164.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.200.363.487	82.795.037.812

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Chi phí hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi, quảng cáo</i>	52.554.960.523	77.388.180.135
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	6.645.402.964	5.406.857.677
<i>Chi phí khác</i>	6.492.608.351	5.157.196.076
<b>Cộng</b>	<b>82.644.842.348</b>	<b>108.171.572.572</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Chi phí cho nhân viên</i>	20.064.360.911	20.392.787.995
<i>Chi phí đồ dùng văn phòng</i>	2.464.313.976	2.057.882.467
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	1.786.777.809	2.331.932.601
<i>Thuế, phí và lệ phí</i>	568.499.535	633.727.879
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	135.328.858	542.540.038
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	8.035.313.682	8.614.975.537
<i>Chi phí khác</i>	6.638.128.340	6.172.810.595
<b>Cộng</b>	<b>39.692.723.111</b>	<b>40.746.657.112</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</i>	131.818.182	-
<i>Thu phí kiểm nghiệm, phí lưu kho</i>	134.452.760	341.920.833
<b>Cộng</b>	<b>266.270.942</b>	<b>341.920.833</b>
<b>9. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<b>9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	43.612.786.683	42.910.272.595
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(2.071.607.367)	(2.038.954.158)
<i>Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)</i>	(1.059.790.716)	(1.044.366.159)
<i>Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</i>	40.481.388.600	39.826.952.278
<i>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm</i>	19.102.122	16.826.775
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.119</b>	<b>2.367</b>
(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng HĐQT, Ban kiểm soát năm nay tạm trích theo tỷ lệ của Nghị quyết số 01/NQ-AGP.ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm</i>	17.969.247	12.835.177
<i>Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm</i>	1.132.875	3.991.598
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>19.102.122</b>	<b>16.826.775</b>
<b>9b. Thông tin khác</b>		
<i>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước tăng từ 2.272 VND lên 2.367 VND.</i>		
<b>10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	456.787.789.087	363.221.616.342
Chi phí nhân công	68.621.811.556	74.693.652.471
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.606.068.363	21.092.330.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.296.311.617	99.355.707.952
Chi phí khác	15.279.464.090	19.520.778.142
<b>Cộng</b>	<b><u>650.591.444.713</u></b>	<b><u>577.884.085.088</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu góp vốn	13.937.760.000	16.524.750.000
Trả cổ tức	(2.956.994.500)	(4.715.760.100)

*Cam kết bảo lãnh*

Thành viên quản lý chủ chốt Công ty đã dùng số tiết kiệm thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát*

	<u>Chức danh</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>					
Bà Phạm Thị Bích Thủy	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	225.475.000	160.000.000	85.000.000	470.475.000
Ông Nguyễn Văn Kha	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	552.000.000	200.000.000	128.000.000	880.000.000
Ông Huỳnh Hoàng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	222.844.000	-	60.000.000	282.844.000
Bà Trần Thị Đào	Thành viên HĐQT	-	140.000.000	82.000.000	222.000.000
Ông Nguyễn Quốc Định	Thành viên HĐQT	-	140.000.000	82.000.000	222.000.000
Ông Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	-	140.000.000	82.000.000	222.000.000
Ông Lâm Trí Hiền	Phó Tổng Giám đốc	155.702.320	-	-	155.702.320
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	194.462.774	-	-	194.462.774
Bà Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	-	140.000.000	79.000.000	219.000.000
Bà Phạm Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát	129.247.447	-	24.000.000	153.247.447
Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	-	25.000.000	33.000.000	58.000.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 08/4/2023)	40.481.280	12.500.000	9.000.000	61.981.280
<b>Cộng</b>		<b><u>1.520.212.821</u></b>	<b><u>957.500.000</u></b>	<b><u>664.000.000</u></b>	<b><u>3.141.712.821</u></b>
<b>Năm trước</b>					

	<b>Chức danh</b>	<b>Tiền lương</b>	<b>Thưởng</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Cộng thu nhập</b>
Bà Phạm Thị Bích Thủy	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	226.808.080	90.000.000	76.000.000	392.808.080
Ông Nguyễn Văn Kha	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	551.821.000	90.000.000	120.000.000	761.821.000
Bà Trần Thị Đào	Thành viên HĐQT	-	80.000.000	76.000.000	156.000.000
Ông Nguyễn Quốc Định	Thành viên HĐQT	-	80.000.000	76.000.000	156.000.000
Ông Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	-	80.000.000	76.000.000	156.000.000
Ông Lâm Trí Hiền	Phó Tổng Giám đốc	171.594.408	-	-	171.594.408
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	209.256.081	-	-	209.256.081
Ông Huỳnh Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc	234.366.000	-	-	234.366.000
Bà Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	-	80.000.000	76.000.000	156.000.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	94.121.223	20.000.000	36.000.000	150.121.223
Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	-	20.000.000	36.000.000	56.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.487.966.791</b>	<b>540.000.000</b>	<b>572.000.000</b>	<b>2.599.966.791</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm USA-AGP Pharma, LLC	Cổ đông lớn của Công ty chiếm 31,56% vốn điều lệ Công ty liên doanh

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng cho bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Mua hàng hóa	12.764.860.250	10.106.184.836
Mua tài sản cố định hữu hình	1.159.090.908	-
Thu góp vốn	5.928.740.000	16.939.280.000
Trả cổ tức	(2.964.374.000)	(5.928.748.000)

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thành phẩm thuốc các loại. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán hàng hóa, nguyên liệu, doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (trong năm 2023 là khoảng 1% tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	723.833.677.413	685.728.924.882
Nước ngoài	1.296.428.860	1.318.225.782
<b>Cộng</b>	<b><u>725.130.106.273</u></b>	<b><u>687.047.150.664</u></b>

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Áp dụng ngày 20 tháng 02 năm 2024



**Đỗ Thị Kim Lén**  
Người lập



**Trần Nguyễn Minh Hiền**  
Kế toán trưởng



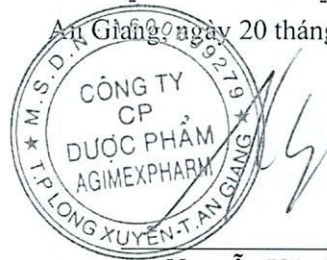
**Nguyễn Văn Kha**  
Tổng Giám đốc

**Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	134.181.500.708	90.584.903.829	12.755.588.850	1.136.544.154	238.658.537.541
Mua trong năm	972.454.545	21.567.012.539	1.577.266.715	1.475.968.750	25.592.702.549
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	30.046.077.442	12.509.394.753	222.727.273	219.673.982	42.997.873.450
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.894.008.180)	(623.561.714)	-	(21.517.569.894)
<b>Số cuối năm</b>	<b>165.200.032.695</b>	<b>103.767.302.941</b>	<b>13.932.021.124</b>	<b>2.832.186.886</b>	<b>285.731.543.646</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.644.090.079	13.855.083.987	4.865.606.667	697.914.513	24.062.695.246
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	32.404.668.259	51.853.521.616	8.037.631.184	760.226.327	93.056.047.386
Khấu hao trong năm	9.827.179.020	10.048.782.091	1.590.110.599	314.683.935	21.780.755.645
Thanh lý, nhượng bán	-	(614.165.328)	(506.461.362)	-	(1.120.626.690)
<b>Số cuối năm</b>	<b>42.231.847.279</b>	<b>61.288.138.379</b>	<b>9.121.280.421</b>	<b>1.074.910.262</b>	<b>113.716.176.341</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	101.776.832.449	38.731.382.213	4.717.957.666	376.317.827	145.602.490.155
<b>Số cuối năm</b>	<b>122.968.185.416</b>	<b>42.479.164.562</b>	<b>4.810.740.703</b>	<b>1.757.276.624</b>	<b>172.015.367.305</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

At Giảng, ngày 20 tháng 02 năm 2024



*[Signature]*

**Đỗ Thị Kim Lén**  
Người lập

*[Signature]*

**Trần Nguyễn Minh Hiền**  
Kế toán trưởng

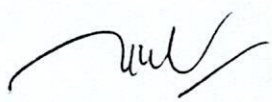
**Nguyễn Văn Kha**  
Tổng Giám đốc

**Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

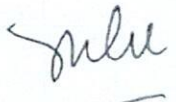
Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	222.727.273	(222.727.273)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	32.048.828.270	54.914.324.026	(42.775.146.177)	(162.729.975)	44.025.276.144
- Công trình xây dựng nhà máy Betalactam	-	30.872.103.181	-	-	30.872.103.181
- Công trình xây dựng nhà máy thuốc dạng lỏng	-	1.057.037.037	-	-	1.057.037.037
- Công trình mở rộng Nhà máy dược liệu	-	580.000.000	-	-	580.000.000
- Công trình xây dựng Nhà kho và Hệ thống điều hòa không khí Non - Betalactam	25.787.990.752	2.473.964.282	(28.261.955.034)	-	-
- Công trình xây dựng Đường nội bộ - Nhà máy Non - Betalactam	1.811.763.636	1.729.145.454	(3.540.909.090)	-	-
- Công trình xây dựng Hệ thống Năng lượng mặt trời tổng kho - Bình Hòa	-	4.076.112.019	(4.076.112.019)	-	-
- Công trình xây dựng Hệ thống năng lượng mặt trời Non - Betalactam	-	1.983.307.844	(1.983.307.844)	-	-
- Công trình sửa chữa Chi nhánh Đà Nẵng	4.449.073.882	-	-	-	4.449.073.882
- Các công trình khác	-	12.142.654.209	(4.912.862.190)	(162.729.975)	7.067.062.044
<b>Cộng</b>	<b>32.048.828.270</b>	<b>55.137.051.299</b>	<b>(42.997.873.450)</b>	<b>(162.729.975)</b>	<b>44.025.276.144</b>

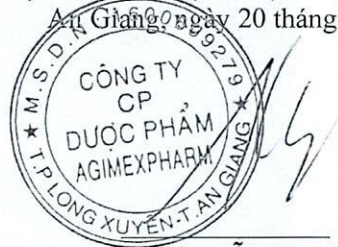
Agigiang ngày 20 tháng 02 năm 2024



**Đỗ Thị Kim Lén**  
Người lập



**Trần Nguyễn Minh Hiền**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Kha**  
Tổng Giám đốc



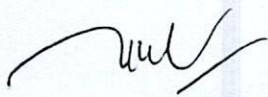


**Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	128.351.770.000	15.458.574.700	55.192.833.586	33.226.414.373	232.229.592.659
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm trước	51.340.700.000	10.268.140.000	-	-	61.608.840.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	42.910.272.595	42.910.272.595
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	11.629.245.031	(15.257.167.373)	(3.627.922.342)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(17.969.247.000)	(17.969.247.000)
Chi quỹ trong năm trước	-	-	(984.001.910)	-	(984.001.910)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>179.692.470.000</b>	<b>25.726.714.700</b>	<b>65.838.076.707</b>	<b>42.910.272.595</b>	<b>314.167.534.002</b>
Số dư đầu năm nay	179.692.470.000	25.726.714.700	65.838.076.707	42.910.272.595	314.167.534.002
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	17.967.440.000	-	-	(17.967.440.000)	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm nay	8.984.620.000	-	-	-	8.984.620.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	43.612.786.683	43.612.786.683
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	12.873.081.778	(15.956.402.095)	(3.083.320.317)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(8.986.430.500)	(8.986.430.500)
Chi quỹ trong năm nay	-	-	(10.853.064)	-	(10.853.064)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>206.644.530.000</b>	<b>25.726.714.700</b>	<b>78.700.305.421</b>	<b>43.612.786.683</b>	<b>354.684.336.804</b>

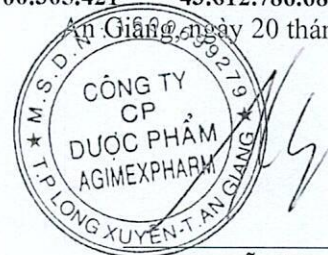
At Giảng, ngày 20 tháng 02 năm 2024



**Đỗ Thị Kim Lén**  
Người lập



**Trần Nguyễn Minh Hiền**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Kha**  
Tổng Giám đốc

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở HNX;
- Lưu Văn thư;

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN KHA**

